

VỀ BỘ KINH TUYỆT ĐỈNH ...

Lời nói đầu

Bộ kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa – Thiên sư Thích Nhất Hạnh dịch là: “Kinh Kim Cương Gươm báu Cắt Đứt Phiền Não”.

Trong bộ kinh, khi ngài Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: *"Bạch Thế Tôn, nên đặt tên Kinh này là Kinh gì và chúng con nên phụng trì Kinh này như thế nào?"*

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nên gọi Kinh này là Kinh Kim Cương Có Năng Lực Chặt Đứt Phiền Não Và Đưa Sang Bờ Giải Thoát (Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh) – bản dịch của Thiên sư Thích Nhất Hạnh.

Đây có thể xem là bộ kinh “tuyệt đỉnh” trong hệ thống Bát Nhã (trí tuệ) của kinh Phật.

Trong kinh, Thế Tôn nói rằng: *“Này Tu Bồ Đề, tất cả các đức Phật và đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của các đức Phật, đều xuất phát từ kinh này”.*

Sở dĩ gọi đây là bộ kinh tuyệt đỉnh – bởi, trong kinh Như Lai nói với thầy Tu Bồ Đề rằng: *" (...) Nếu có người được nghe kinh này mà không hoảng, không sợ thì nên biết rằng những người như vậy rất là hiếm có. Tại sao? Này thầy Tu Bồ Đề ơi, cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật vốn không phải là đệ nhất Ba La Mật cho nên mới được gọi là đệ nhất Ba La Mật”.*

Đây đích thực là bộ kinh tuyệt đỉnh – bởi, đây chính là bộ kinh *“đệ nhất Ba La Mật”*- (Ba La Mật: Còn gọi là Ba-la-mật-đa, Ba-la-nhĩ-đa ; Có nghĩa là từ bờ sống chết cõi mê bên này – đến bờ Niết Bàn giải thoát bên kia).

(Ở đây, xin tạm dừng để giải thích ngay về các mệnh đề (mô tuýp) rất thường hay gặp phải trong kinh, đó là: *cái mà Như Lai gọi là ... vốn không phải là ... cho nên mới được gọi là ...*”. Cụ thể ở đây là: *“(…) Này thầy Tu Bồ Đề ơi, cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật vốn không phải là đệ nhất Ba La Mật cho nên mới được gọi là đệ nhất Ba La Mật”.* Câu này cần được hiểu: *cái mà Như Lai gọi – không phải như người đời thường gọi – cho nên mới thật sự được gọi ...*

Vậy thì, “*cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật*” như thế nào ? Và, cái mà người đời (*kẻ phàm phu*) thường gọi đệ nhất Ba La Mật như thế nào ? Điều khác cơ bản giữa Phật và giới chưa phải Phật đó là sự *chấp*. *Kẻ phàm phu* thì bám chặt vào ý nghĩa *đệ nhất* – từ đó tất cả mọi suy nghĩ, lời nói, hành động ... đều hướng vào cái vỏ bọc ngôn từ (khái niệm) ấy: đại loại như: một khi là *đệ nhất* thì phải như thế này, phải như thế nọ ... Vì bám chặt, lúc nào cũng vướng bận vào ý nghĩa *đệ nhất* ấy – nên cuối cùng đánh mất “hiệu quả” về ý nghĩa thật sự của nó.

Với Phật, hoàn toàn khác, chẳng bị vướng bận, nên chẳng bao giờ bị ý nghĩa *đệ nhất* nó níu kéo – các Phật nhận biết rất rõ bản chất thật sự về sự *đệ nhất* ấy (người đời thường hay nói về bản chất – song, đó chỉ là bản chất tương đối – xem thêm trong bài “Trí tuệ Phật” – chuanet.org) ; các Phật nhận biết sự *đệ nhất* ấy là quá hiển nhiên, tự nhiên – chẳng có gì băn khoăn nghi ngại ...

Có lẽ “độ khó” của kinh này, về cơ bản là như vậy – đó là sự khác biệt giữa sự nhận biết hữu hạn với tính *tương đối* của *Hữu Vi* – và sự nhận biết vô hạn với tính *tuyệt đối* của *Vô Vi*.

Vấn đề này sẽ còn được đề cập nhiều hơn về sau ...

Xin trở lại vấn đề,

Có lẽ, một khi đã là người chọn con đường tu theo phương pháp Phật – nếu như chưa được tiếp cận, đọc, tụng, hành trì, giới thiệu, thuyết giảng ... bộ kinh này – thì đó là sự thiệt thòi – không còn có sự thiệt thòi nào lớn hơn !

Mỗi Phật Tử, hãy nên nỗ lực tinh tấn – tiếp cận, đọc, tụng, hành trì, giới thiệu, thuyết giảng ... bộ kinh này !

Bộ kinh được trình bày với các nội dung như sau:

1.Cứu độ chúng sinh ; 2. Bồ thí và phước đức ; 3.Ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả ; 4.Pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ; 5. Một số vấn đề quan trọng khác: *Nhân nhục ; Thực tướng Như Lai ; Trang nghiêm (nơi) cõi Phật ; Quả đạo ; Thế giới vi mô và vĩ mô ; Tuyên thuyết của Như Lai ; Tính chất đặc thù của bộ kinh.*

1. Cứu độ chúng sinh

Mở đầu kinh, có bài kệ tán :

*Làm sao vượt sinh tử
Đạt được thân Kim Cương
Tu tập theo lối nào
Quét được muôn huyễn tướng
Xin Phật đem lòng thương
Mở bày kho bí tạng
Vì tất cả chúng con
Dem pháp mẫu diễn xướng !*

Và, như phần lớn các kinh, kinh này thuật lại, cho biết rằng: Sự việc diễn ra tại tu viện Kỳ Thọ Cấp Cô Độc gần thành Xá Vệ, với đại chúng khát sĩ gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Chỉ đến khi Ngài Tu Bồ Đề (một trong mười đại đệ tử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni) – đặt vấn đề: “*Thế Tôn, Người thật là bậc hiếm có! Thế Tôn thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát. Thế Tôn, những người con trai hiền và những người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên nương tựa vào đâu và làm sao mà điều phục tâm mình ?*”

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Các bậc Bồ Tát đại nhân nên hàng phục tâm mình như sau: Có cả thấy bao nhiêu loại chúng sanh, hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc không phải có tri giác cũng không phải không có tri giác, ta đều phải đưa tất cả các loài ấy vào Niết Bàn tuyệt đối để tất cả đều được giải thoát. Giải thoát cho vô số, vô lượng, vô biên chúng sanh như thế, mà kỳ thực ta không thấy có chúng sanh nào được giải thoát. Vì sao? Nay Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn có khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là một vị Bồ Tát đích thực".

Câu trả lời của đức Phật ở trên – có người gọi đó là tiếng sấm vang rền, làm kinh động cả “đất trời” !

Không biết từ khi nào, có thể là rất xa xưa rồi – có thể là ngay từ khi đức Phật còn tại thế ... đã hình thành tư tưởng: một khi đã là Bồ Tát thì phải ... *cứu độ chúng sanh (!)*. Còn gì cao cả hơn ; thánh thiện hơn ... là phát tâm vô thượng nhằm *cứu độ chúng sanh* – giúp chúng sanh nhanh chóng được *giải thoát ?!*

Thế nhưng, câu trả lời của Thế Tôn – như một tiếng sấm vang động ... (!)

Lần thứ hai Ngài Tu Bồ Đề tiếp tục hỏi đức Phật:

“Thế Tôn, con xin phép được hỏi lại: người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên dựa vào đâu và nên hàng phục tâm mình như thế nào ?”

Phật bảo: “Thầy Tu Bồ Đề, người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì nên phát tâm như thế này: ta phải đưa hết tất cả chúng sanh qua bờ giác ngộ rồi thì ta chẳng thấy có chúng sanh nào được giác ngộ cả. Vì sao thế? Nay thầy Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn vướng mắc vào các khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát chân thật. Tại sao như thế ?

Tu Bồ Đề, thật ra chẳng có pháp gì riêng biệt gọi là tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác để mà phát ra cả”.

Ngài Tu Bồ Đề đã dùng hình ảnh *những người con trai hiền và những người con gái hiền* – hình ảnh của tuổi trẻ – và là tuổi trẻ thánh thiện (*hiền*) – khiến cho vấn đề có vẻ trở nên dễ chịu hơn – kỳ thực, vấn đề quả là hết sức lớn lao – nếu không muốn nói – đây là vấn đề luôn cần phải đặt ra – và giá trị của nó không chỉ cho đến tận bây giờ – mà nó còn mãi mãi về sau nữa .

Trong kinh, ý nghĩa của *hàng phục tâm* là: “Khắc cốt ghi tâm” ; tuyệt đối không được quên ; tuyệt đối không trái ngược, nghĩ sai-làm sai . Câu trả lời của đức Phật với Ngài Tu Bồ Đề nêu trên còn có ý nghĩa: đó là chân lý ! Ngoài ra có thể hiểu thêm một cách khái quát: *Điều phục tâm*: là làm cho tâm hiểu ra, ngộ ra ; *hàng phục tâm*: là làm cho tâm nghe theo, làm theo.

Cứu độ chúng sinh, từ rất lâu, đã tựa như là câu “cửa miệng” của nhà Phật.

Trong kinh, đức Phật nói với thầy Tu Bồ Đề rằng:

“Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng thế, nếu một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát. Vì sao ? Tu Bồ Đề này, không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả”.

“Tu Bồ Đề, các vị đừng có bảo rằng Như Lai có ý niệm 'ta sẽ độ chúng sanh'. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tại sao vậy ? Sự thật thì không có chúng sanh nào để cho Như Lai độ. Nếu Như Lai nghĩ là có thì Như Lai đã vướng vào khái niệm Ngã, khái niệm Nhân, khái niệm Chúng Sanh và khái niệm Thọ Giả rồi”.

Khái niệm “*độ*” hay còn gọi là “*cứu độ*” – đó là khái niệm của sự ban phát, ban ơn. Trên thực tế, việc cầu xin và ban phát ban ơn – còn phổ biến – trong các cửa

nhà Phật. Các Phật tử đến chùa – rất thường mang đến những cầu xin – và không ít vị Bồ Tát – mang ý nghĩ là sẽ *độ* chúng sanh trước những cầu xin ấy (!).

Độ theo kiểu ban phước, ban ơn như vậy liệu có được không ? Hiển nhiên là không! Sự *độ* đó là giả dối – không thật – đó chỉ là *mộng huyễn bào ảnh* ! Vì sao? Vì đó là *Hữu Vi*. Một khi là *Hữu Vi* thì Như Lai có bài kệ rằng:

*Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bào ảnh
Như sương như chớp loè
Hãy quán chiếu như thế.*

Phải nên hiểu rằng: *Độ* của Như Lai là được Ngài cho *chiếc bè*. Có được *chiếc bè* – vốn là phương tiện hết sức hữu dụng rồi – thì phải ra sức chèo chống để qua được bên kia bờ *giải thoát*.

Hữu vi: Nếu là về tôn giáo, tín ngưỡng, thì đó là thuộc về “Nhất thần luận” – tức, chỉ có duy nhất một đấng tối cao ; nếu là về đảng phái thì đấng tối cao là lãnh tụ. *Hữu vi* theo cơ chế xin-cho. *Hữu vi* thuộc về giới hạn hữu hạn-tương đối – trong khi ngược lại, *Vô vi* thuộc về vô hạn-tuyệt đối. Chỉ duy nhất chọn con đường tu Phật là đến với *Vô vi* – còn lại, tất cả đều thuộc về *Hữu vi* . Trong kinh Như Lai nói rằng: “*Tất cả các bậc hiền thánh đều do pháp vô vi mà trở nên khác người*” (tức từ Thánh – *Hữu vi* – thành Phật – *Vô vi*).

2. Bồ thí và phước đức

Bồ thí và Phước đức là hai lãnh vực được đề cập rất nhiều lần ; rất tỉ mỉ và rất sâu trong kinh.

Đây là hai lãnh vực rất quan trọng, rất đặc biệt đối với con người nói chung – và không thể tách rời đối với Phật tử tu theo hạnh Bồ Tát.

Bồ Thí có ba bậc, từ cao xuống thấp, đó là: Pháp thí ; Tâm thí ; và Tài thí. Trong kinh luôn đề cập đến cả ba hình thức này.

Đức Phật nói: “*Thầy Tu Bồ Đề, vị Bồ Tát thực hiện phép bồ thí nhưng không dựa vào bất cứ một thứ gì, nghĩa là không dựa vào sắc để bồ thí, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp để bồ thí. Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên bồ thí theo tinh thần ấy, không dựa vào tướng. Tại sao ? Nếu Bồ Tát bồ thí mà không dựa vào tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn.*

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Không gian về phía Đông có thể nghĩ và lường được không ?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Này thầy Tu Bồ Đề, không gian về phía Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới có thể nghĩ và lường được hay không ?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ được, không thể lường được. Này Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát nên trú tâm theo những lời chỉ dẫn vừa đưa ra”.

Điều căn dặn này của Như Lai là quá cần thiết ! Phật tử nói chung, và ngay cả Bồ Tát – khi bố thí – đều rất thường hay nghĩ ngợi, nặng lòng về: Phương pháp ; đối tượng và về kết quả. Chính những điều ấy – khiến việc bố thí trở thành “*tom góp*” (cóp nhặt, tẩn mẩn).

Trong kinh, Ngài Tu Bồ Đề hỏi đức Phật: “*Thế Tôn, Bồ Tát không cần tom góp phước đức nghĩa là sao ?*

Tu Bồ Đề, Bồ Tát tạo phước đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phước đức cho nên ta mới nói là Bồ Tát không cần tom góp phước đức”.

Đến đây, một câu hỏi hết sức cơ bản là: Thế nào được gọi là Phước đức ? Trong kinh, Như Lai nói: “*Này thầy Tu Bồ Đề, nếu phước đó là phước đức thật thì Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức. Chính vì phước đức ấy vốn không có thực thể cho nên Như Lai mới nói người ấy đạt được phước đức nhiều”.*

Có lẽ, rất và rất nhiều người đã hiểu lầm giữa những phước báo thực thể (có người gọi đó là phước báo *hữu lậu*) – với lãnh vực (phạm trù) Phước đức.

Cụ thể là: Một người giàu sang, khỏe mạnh, đẹp đẽ ; giữ địa vị cao trong xã hội v.v... được gọi là người có phước đức lớn. Điều này là không đúng với nghĩa mà Như Lai hướng tới.

Vậy, Phước đức theo nghĩa của đức Phật hướng tới là gì ?

Đó là *chất*. Sự khác biệt giữa loài súc sinh này và loài súc sinh khác – đó là sự khác biệt về *chất*. Sự khác biệt giữa loài người và loài vật – đó là sự khác biệt về *chất*. Và, sự khác biệt giữa Phật và Người – chưa phải Phật – đó cũng là sự khác biệt về *chất*.

Trong một trình bày khác – *chất* được đề cập với tên gọi là *năng lực Tâm linh* (xem thêm trong tác phẩm “Tâm và Tâm linh” – Website chùaNet – chuanet.org).

Như vậy, Phước đức cần thiết và quan trọng đến mức là: không có gì cần thiết và quan trọng hơn nữa – đối với muôn loài chúng sanh.

Sở dĩ Phước đức đóng vai trò đặc biệt quan trọng như vậy – bởi đó là yếu tố quyết định cho một thực thể: sẽ là Súc sinh, Người hay Phật.

Để trở thành một người giàu sang, khỏe mạnh, đẹp đẽ ; giữ địa vị cao trong xã hội ... thì chẳng khó khăn gì. Thế Tôn vốn đã chỉ dẫn rất cụ thể, căn kẽ, tận tình ... Chẳng hạn như: để giàu sang – phải thường cúng dường Tam Bảo, làm từ thiện ; để khỏe mạnh, tránh tật nguyên và những căn bệnh hiểm ác (khiến cho mệnh yếu, chết sớm) – tuyệt đối không được giết, hại chúng sanh – đặc biệt là giết, hại con người ; để đẹp đẽ – phải tránh sân hận, ích kỷ nhỏ nhen ; để có địa vị cao trong xã hội – phải kính trên nhường dưới, hiếu thảo ... (xem thêm: chuanet.org).

Nếu làm theo những chỉ dạy của Thế Tôn – điều mong ước sẽ được hiển thị – theo quy luật Nhân-Quả. Nhân-Quả là quy luật tự nhiên, bất biến – được tiếp diễn từ đời này sang đời khác ; từ kiếp này sang kiếp khác . (*Thế Tôn đã chỉ ra rằng: Quả báo có thể hiện ngay trong đời này, đời sau, hoặc đời sau nữa ...*)

Như Lai nói: “*Này thầy Tu Bồ Đề, nếu phước đó là phước đức thật thì Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức*”.

Có thể sẽ có người cho rằng: vậy thì *phước* mà Như Lai đề cập là không thật (?!). Câu này cần hiểu là: *nếu phước đó là phước đức thật* theo người đời hằng suy nghĩ (phước báo hữu lậu) thì *Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức*. Vì sao ? Vì như vừa mới trình bày: người đời thường hay nghĩ đến phước đức là phải “cụ thể”: cân, đong, đo, đếm được (giàu sang, khỏe mạnh, đẹp đẽ ; giữ địa vị cao trong xã hội ...). Người đời, lúc nào cũng phải gắn chặt với khái niệm *Thực*. Khái niệm *thực* của người đời là: phải nhìn, nghe, sờ, cảm nhận rõ bằng khứu giác và vị giác ...

Nếu xét theo nghĩa này, *Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức*.

Phải nên rất chú ý là: một người đạt được phước đức nhiều như Thế Tôn đã chỉ dạy – có thể người đó sẽ vẫn còn : *nghèo, ốm đau, xấu xí, không có địa vị cao trong xã hội...* Như vậy, ở đây, cần nhận thức một cách hết sức rõ ràng về *phước đức* và *phước báo hữu lậu*.

Có lẽ cũng cần nên biết thêm rằng: hầu như tất cả những Bồ Tát – đều không quan tâm, đặt nặng đến *phước báo hữu lậu* – có chăng điều canh cánh là phước đức theo

nghĩa của Như Lai hướng đến. Vì vậy, một trong những điều hàng đầu của hạnh Bồ Tát đó là *Bố Thí, Nhân nhục*. Như đã trình bày: *Bố Thí, Nhân nhục* cũng để nhằm có được nhiều phước đức vậy. Tuy nhiên, cũng phải nên chú ý rằng: tuyệt đối không khinh thường, xem nhẹ *phước báo hữu lậu*. *Phước báo hữu lậu* của Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni là cao tột bậc : Thái tử. Trong “Bát đại nhân giác kinh” cũng đã nói với đại ý rằng: Bồ Tát (tu tại gia) tuyệt đối không để rơi vào cảnh đói nghèo, bởi vì: cảnh đói nghèo dễ đưa đến lòng oán than, trách móc... rất khó cho việc tu tập (muốn vậy, Bồ Tát vẫn không thể không dùng pháp *tài thí*).

Tóm lại: Phước đức – là *cơ sở* – là căn cứ để chuyển hóa từ *chất* này sang *chất* khác. Ở đây, có lẽ mượn triết học Marx – cũng là một cách nhằm đơn giản hóa vấn đề: *Phước đức*, theo Marx đó là *Lượng*. Marx cho rằng: “*Một khi Lượng đã tích lũy đủ – và với một số điều kiện nhất định – thì Lượng sẽ biến thành Chất*”.

Để đạt được đến mức chuyển hóa từ *chất* Người sang *chất* Phật – là cả một quá trình đằng đằng tích lũy về “*Lượng*”... quá trình này – nếu là Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni – thì ... đó là: “*Lại nhớ đến thuở xưa khi ta còn tu tiên theo hạnh nhân nhục, trong suốt năm trăm kiếp, ta đã tu tập để không bị kẹt vào các khái niệm Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả*”.

Không chỉ có *năm trăm kiếp* tu tiên, quá trình đó còn nữa là: “*Tu Bồ Đề, ta nhớ vô lượng a tăng kỳ kiếp về trước, trước khi được gặp Phật Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức na do tha các vị Phật. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận*”.

Quá trình tu tập để tích lũy phước đức của Như lai là như vậy.

3. Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả

Trong suốt chiều dài của bộ kinh, vấn đề: *Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả* được lập đi lập lại một cách đặc biệt.

Ở trên, ngay từ đầu kinh, *Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả* đã được đức Phật nêu ra, và tiếp theo vấn đề này tiếp tục nêu ra nhiều lần nữa:

“*Thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, trong tương lai, khi nghe những câu nói như thế người ta có thể phát sinh được lòng tin chân thật hay không?"*

Phật bảo: "Thầy đừng nói vậy. Năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, vẫn sẽ có những người biết giữ giới và tu phước, và những người ấy khi nghe được những lời

như trên cũng sẽ có thể phát sinh lòng tin và nhận ra đó là sự thật. Ta nên biết rằng những người ấy đã gieo trồng những hạt giống tốt không phải ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà thật sự đã gieo trồng những hạt giống lành ở nơi vô lượng ngàn muôn vị Phật. Người nào chỉ trong một giây phút thôi, phát sinh được niềm tin thanh tịnh khi nghe những lời và những câu ấy, thì Như Lai tất nhiên BIẾT được người ấy, THẤY được người ấy và người ấy sẽ đạt được vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì những người như thế không còn kẹt vào những khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh, về Thọ Giả, về Pháp, về Không Phải Pháp, về Tướng và về Không Phải Tướng. Vì sao? Nếu còn chấp vào ý niệm Pháp thì vẫn còn kẹt vào các tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả và nếu còn chấp vào ý niệm Không Phải Pháp, thì cũng vẫn còn kẹt vào tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả như thường. Thế cho nên, đã không nên chấp vào Pháp mà cũng không nên chấp vào Không Phải Pháp. Vì vậy mà Như Lai đã mật ý nói: Nay các vị khát sĩ, nên biết rằng Pháp tôi nói được ví như chiếc bè, Pháp còn nên bỏ, hướng là Không Phải Pháp."

Ở một đoạn kinh khác, Ngài Tu Bồ Đề thưa:

"Bạch Thế Tôn, nếu một vị A La Hán nào khởi niệm rằng 'ta đã đắc quả A La Hán' thì vị đó còn chấp vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả".

Hoặc một đoạn kinh khác:

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Thế Tôn, ngày nay con nghe được kinh điển mâu nhiệm như thế này, được tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì kinh này cũng chưa phải là chuyện khó có lắm, nhưng trong tương lai, khoảng năm trăm năm về sau mà có người được nghe kinh này lại có thể tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chắc chắn sự có mặt của kẻ ấy là một sự hiếm có vào bậc nhất. Vì sao vậy? Vì những kẻ ấy sẽ không bị không chế bởi khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả".

Một đoạn kinh khác:

"Tu Bồ Đề này, trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Kalinga cắt đứt thân thể, ta đã không bị kẹt vào khái niệm về Ngã, không bị kẹt vào khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả. Vì nếu khi đó ta bị kẹt vào những khái niệm ấy thì ta đã sinh tâm oán hận Kalinga (Ca Lợi Vương) mất rồi".

Hoặc một đoạn kinh khác nữa:

“Này thầy Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn vướng mắc vào các khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát chân thật”.

“Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả”.

Và, như đã đề cập, Thế Tôn cho hay: trong suốt năm trăm kiếp tu tiên mục đích của Ngài cũng chỉ là để không bị vướng vào Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả.

Vậy thì, chân tướng của Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả là gì, như thế nào ?

+ Ngã:

Ngã hay còn gọi là bản ngã là cái tôi “trương phình” (lời của Thượng Tọa Thích Nhật Từ). Cái tôi lúc nào cũng trực chờ ... “ngùn ngụt” ở trong người.

“Cái Tôi (hay còn gọi là) Ngã (hay còn gọi là) Vô minh là những gì khủng khiếp nhất đối với con người. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chỉ ra rằng: Vô minh (cái Tôi, Ngã) – là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến sự khổ.

“Từ một nhà đại trí thức cho đến một người thất học ... tất cả đều có điểm chung là: những gì thuộc về cái Tôi (Ngã) đều là ... chân lý (!) Chẳng ai nghe ai ! Chẳng ai chịu ai ! Chỉ thích dạy người khác (thích làm thầy) hơn là lắng nghe, học hỏi . Ngoài ra, tất cả còn điểm chung khác nữa là: luôn luôn muốn thống trị, áp đảo người khác – muốn mọi người phải phục tùng và tất cả phải tuyệt đối làm theo ý của mình (!)”. (Trích từ “Trí tuệ Phật” – chuanet.org).

Trong kinh Thế Tôn nói:

“Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai nói là có ngã vốn không phải là có ngã mà người phàm phu lại cho là có ngã. Này Tu Bồ Đề, kẻ phàm phu đó, Như Lai không cho đó là phàm phu cho nên mới gọi họ là phàm phu”.

Câu này có hai phần: Phần thứ nhất, người phàm phu (người có chấp, thiếu hiểu biết) nằng nặc cho rằng cái tôi – là thứ tồn tại ; bất biến – không thể dẹp bỏ cái tôi được. Như Lai nói rằng: phải dẹp bỏ cái tôi nhỏ hẹp, nông cạn, sai lầm ... ấy đi (từ đó mới có thể thấy được những điều thật sự là bao la, sâu thẳm, vĩ đại ...). Phần thứ hai, kẻ phàm phu đó luôn vô ngược, xung tên, là người không những hiểu biết – mà còn là người hiểu biết uyên thâm. Như Lai không cho đó là người hiểu biết. Vì vậy, đó đích thực là người không hiểu biết.

Để triệt tiêu cái Ngã ấy, Thế Tôn phải mất năm trăm kiếp !

+ *Nhân*:

Thái độ của con người đối với con người – rất thường là phải gắn liền với sự phân biệt. Đối với kẻ sang người giàu thì có thể là kính nể cố gàn gũ – hoặc cũng có thể là tị hiềm, ghen ghét ; đối với kẻ nghèo hèn thì khinh miệt, xa lánh . Đối với người có chức có quyền thì cúi mình ; với kẻ hèn mọn thì chà, đạp ... Đối với người đẹp thì si mê, mong ước chiếm đoạt ; với kẻ tật nguyền, bệnh hoạn, xấu xí thì ghê tởm, phỉ nhổ ...

Và rất thường là: “khi yêu củ ấu cũng tròn ; ghét, bỏ hòn cũng méo”

Với con, cháu ... tình yêu thương có khi đến mức cực độ – vì vậy, chẳng may chúng có mệnh hệ nào ... nổi đau khổ sẽ là tột cùng, có thể trở thành điên loạn ...

Đẻ triết tiêu cái Nhân phân biệt ấy ; *ly dục, ly bất thiện pháp, ly tham, ly sân, ly si – đọa ái* – Thế Tôn phải mất năm trăm kiếp !

+ *Chúng sanh*:

Con người xem súc sinh là loài thấp kém – được quyền ra tay sát hại một cách không thương tiếc – sát hại một cách vô cớ mà chẳng hề có chút băn khoăn, ray rứt nào. Con người rất khó chấp nhận những loài súc sinh ấy – vốn là đồng loại với mình – cho dù đó là loài súc sinh rất gần gũi với con người: chó, mèo, trâu, bò, gà, lợn ...

Thế nhưng, sự thật là: những loài súc sinh ấy – vốn là đồng loại với mình.

Trong kinh Phật dạy: "*Tu Bồ Đề, những chúng sanh đó không phải là chúng sanh mà cũng không phải là không chúng sanh. Vì sao thế ? Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai gọi là không phải chúng sanh mới thực sự được gọi là chúng sanh.*"

Câu này có hai phần: phần thứ nhất, *những chúng sanh đó không phải là chúng sanh* (đó là những vị chưa thành Phật) *mà cũng không phải là không chúng sanh* (hiện tại đang là người, là súc sinh). Phần thứ hai, Như Lai gọi những vị chưa thành Phật – *mới thực sự là chúng sanh*. Tức tất cả loài người, súc sinh – đều là những vị chưa thành Phật – sẽ thành Phật !

Hoặc câu khác, Đức Phật nói:

“*Như Lai đã nói tất cả các khái niệm đều không phải là khái niệm và tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh*”. *Tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh* bởi đó là những vị sẽ thành Phật.

Để có được nhận thức đúng đắn này, Thế Tôn phải mất năm trăm kiếp !

+ *Thọ giả*:

Con người ưa thích được sống lâu. Một người được sống thọ thì cảm thấy sung sướng, hạnh phúc.

Con người rất sợ hãi trước cái chết. Nếu như có mệnh hệ nào chết sớm thì phần nộ, uất ức – đến mức rất khó siêu thoát.

Trước việc người thân ra đi – thì quá buồn khổ – đến mức có thể quyên sinh ...

Để có được sự bình tâm trước việc sống-chết (chù dù là mệnh yếu, chết sớm), Thế Tôn đã phải mất năm trăm kiếp tu tập !

Thế Tôn nói: “*Tu Bồ Đề này, nếu chỉ ưa thích pháp nhỏ, nếu còn vướng mắc vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì không có khả năng nghe, nhận, đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác*”.

Pháp nhỏ là tất cả những pháp thuộc *Hữu vi*. Như đã trình bày, *Hữu vi* – với cơ chế cầu xin-ban phát ban ơn – luôn bị cột chặt vào *Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả*. Một khi bị cột chặt vào *Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả* là không thể *giải thuyết*. Vì sao ? Vì tất cả đều là giả dối, không thật.

Hãy lấy ví dụ để rõ hơn: Có những đứa bé sinh ra lành lặn, đẹp đẽ, thông minh, sống trong nhung lụa ... Ngược lại, có những bé sinh ra bị tật nguyên, xâu xí, đần độn, sống trong đói nghèo ... Với *Hữu vi*, *giải thuyết* sao đây ? Hà có gì *đáng tối cao* lại ra tay trừng phạt, tước đoạt hay ban tặng ... ở một đứa trẻ chưa biết gì ?

Vì là không thật, giả dối nên – tất cả những *giải thuyết* của *Hữu vi* đều là chấp vá, gượng gạo – không thể chạm được vào chân lý đích thực (*Hữu vi* cũng đưa ra những *chân lý*, song đó là những *chân lý* vay mượn hoặc không thật).

Hẳn nhiên, một khi bị cột chặt vào *Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả* thì cũng sẽ không thể *nghe, nhận, đọc tụng* (bộ kinh này được).

Để *nghe, nhận, đọc tụng, giải thuyết* (bộ kinh này) – phải từ bỏ sự *ưa thích pháp nhỏ*. Trong kinh Duy Ma Cát – một triết lý – cũng là lời cấp bách – gởi đến các chư vị Bồ Tát: *Hữu vi hay không Hữu vi* (?!). Câu trả lời tùy vào bản thân mỗi người.

4. Pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác

Có lẽ điều mà con người dành nhiều tâm sức đi tìm đó là *pháp Phật*. Pháp nào (cách thức, phương pháp nào) để có thể đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Liệu rằng có Pháp Vô Thượng không ?

Xin nói ngay rằng: trong kinh, Thế Tôn nói với đại ý rằng: Không có một pháp nào là riêng biệt. Hãy xem lời Đạo sư nói với thầy Tu Bồ Đề:

“Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có đặc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác không ?”

“Thầy Tu Bồ Đề thưa: Theo con hiểu điều Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

“Phật hỏi thầy Tu Bồ Đề: Thuở xưa lúc còn theo học với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì chăng ?

Bạch đức Thế Tôn, không. Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có đặc pháp gì cả”.

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác hay không ?

Bạch đức Thế Tôn, không. Theo cách con hiểu lời Phật dạy thì không có pháp gì sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật dạy: “Đúng như thế, đúng như thế ! Này Tu Bồ Đề, thật ra không có pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai có đắc. Nếu có thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta như thế này: ‘Sau này người sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.’ Chính vì không có pháp có thể sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác cho nên Phật Nhiên Đăng mới nói với ta như thế.

Vì sao? Như Lai có nghĩa là chân như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai đắc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác thì người đó lầm: chẳng có pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác có thể đắc. Tu Bồ Đề, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai đắc ấy, thật ra không phải thật cũng không phải hư. Cho nên Như Lai đã từng nói: tất cả các pháp đều là pháp Phật. Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra không phải là tất cả các pháp cho nên mới gọi là tất cả các pháp.

“Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nào thông đạt được lý vô ngã vô pháp thì Như Lai gọi người đó là một vị Bồ Tát đích thực”.

“Tu Bồ Đề bạch Phật: Thế Tôn, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Phật đắc có phải là cái vô sở đắc ? (vô sở đắc: không trụ vào bất kỳ pháp nào mà vẫn đắc)

Phật nói: Đúng thế, Tu Bồ Đề, đối với vô thượng chánh đẳng chánh giác ta chẳng có một chút xíu nào pháp sở đắc, cho nên mới gọi nó là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề ! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Có lẽ nhiều người lầm lẫn giữa hai khái niệm: *Pháp* và *Đạo quả* (của pháp).

Pháp, nếu như trong một ngữ cảnh nhất định được hiểu đó là phương thức – thì sẽ không có một phương thức nào nhằm đạt đến quả đạo cao tốt cùng – đó là đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao ? Vì nếu có Pháp (phương thức) Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác – thì cụ thể như thế nào ? Tức, tu tập những cái gì? Thời gian bao lâu v.v...

Thế nhưng, nếu không phải Pháp (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác) – thì tại sao lại có quả đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Vì vậy mà Như Lai nói rằng: *“Tu Bồ Đề, nếu có pháp mà Như Lai đã đắc thì pháp ấy không phải thật cũng không phải hư”.*

Với Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni, Pháp ấy là: *năm trăm kiếp tu tiên ; vô lượng a tăng kỳ kiếp* Như Lai *gặp tám trăm bốn vạn ức na do tha các vị Phật – với vị nào Ngài cũng đều có cúng dường và hầu cận.* Và còn cả những năm tu khổ hạnh nữa v.v...

Nếu gọi đây là Pháp – thì mọi người phải thực hiện đúng như vậy ư ? Thật là ... *“cũng không phải pháp” (vô Pháp)* là vì vậy. Cho nên, tính chất của pháp là *vô ngã*. *Vô ngã*: là không bất biến, không cố định – tức luôn luôn biến đổi. Ví dụ: cũng chỉ là câu niệm Phật (pháp niệm Phật): *Nam mô A Di Đà Phật !* – thế nhưng, hiệu quả của mỗi người sẽ mỗi khác. Sở dĩ có sự khác biệt – thậm chí là rất lớn – bởi *phước đức (chất)* tích lũy của mỗi người không giống nhau và hiệu ứng của các nghiệp lực trong mỗi người cũng không giống nhau. Vì vậy, trong kinh nói rằng: *“Nếu một vị Bồ Tát nào thông đạt được lý vô ngã vô pháp thì Như Lai gọi người đó là một vị Bồ Tát đích thực”.* Ở đây nảy sinh một câu hỏi quan trọng: hãy lấy ví dụ cụ thể như pháp niệm Phật: *Nam mô A Di Đà Phật !* Với câu chú này, lý *vô ngã* (luôn luôn biến đổi) là thế nào ? Quả thật, câu chú này mãi vẫn là câu có sáu chữ – bất biến. Tuy nhiên, người tụng câu chú này thì biến đổi trong từng “sát-na” (đơn vị nhỏ hơn giây). Sự biến đổi này có thể là tích cực (thiện, tốt đẹp) ; cũng có thể là tiêu cực (bất thiện, xấu). Mỗi suy nghĩ, lời nói, hành động ... của con người ngay lập tức làm biến đổi con người của mình trong “sát-na” trước đó (xem

thêm trong “Tâm và Tâm Linh” – chuanet.org). Vì vậy, cũng là câu niệm: *Nam mô A Di Đà Phật !* Câu trước đã khác câu sau mất rồi ! Vì luôn biến đổi như vậy – cho nên một ý nghĩa khác về lý *vô pháp* đó là: có pháp mà cũng như không pháp vậy ! Có lẽ để dễ hiểu hơn, hãy lấy ví dụ như việc tập lái xe. Thoạt tiên, phải có pháp dạy lái xe: như thế này, như thế nọ... Khi thuần thục, pháp ấy tựa như “đã không còn”. Cho nên, một khi đã quá “thuần thục” với các *thiện pháp*, thì nhất nhất mọi suy nghĩ, lời nói, hành động ... không thể là bất thiện được. Lúc đó, *thiện pháp* trở thành là *vô pháp* (“*cái bè*” của Như Lai đã được vất bỏ).

Cuối cùng Thế Tôn mới nói rằng:

“Tu tập tất cả các thiện pháp theo tinh thần vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả thì đạt được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Đây mới là “công thức” mang tính chung nhất. Tuy nhiên, phải hiểu thấu đáo rằng: cụ thể hóa ra thì mỗi người sẽ tạo ra “mỗi vẻ” – hoàn toàn khác nhau (do sự cộng hưởng của các nghiệp lực từ muôn đời muôn kiếp trước và do sự tích lũy *phước đức* của mỗi người khác nhau – đã trình bày).

Ở đây bắt gặp câu hỏi quan trọng: Như thế nào là Thiện pháp ?

Đức Phật nói rằng: *“Tu Bồ Đề, cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, cho nên đó mới thật là thiện pháp”.*

Như đã trình bày, đây là cách nói đặc trưng trong kinh. Có nghĩa là: Cái mà người đời (phàm phu) nói là Thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là Thiện pháp. Thiện pháp mà Như Lai nói không phải là Thiện pháp theo quan niệm của người đời.

Vậy thì, Thiện pháp mà người đời nói và Thiện pháp của Như Lai hướng tới là như thế nào ?

Trong xã hội loài người, với nền văn minh và văn hóa này cho rằng điều này là thiện – nhưng, với nền văn minh và văn hóa khác lại cho rằng điều đó là bất thiện. Đặc biệt, đối với chính trị – đảng phái này cho rằng hành động này là chính nghĩa (thiện) thì đảng phái khác lại cho rằng hành động đó là phi nghĩa (bất thiện). Những cái “thiện” như vậy là không phải cái thiện mà Như Lai hướng tới.

Cái thiện mà Như Lai hướng tới đó là: *Vì sự an lạc của mình và của người - ở hiện tại lẫn mai sau* (quan niệm về thiện của nhà Phật). Thiện Pháp, Như Lai đã cụ thể hóa bằng *tám con đường thiện (chánh)*. Thiện Pháp còn gọi là *Chánh Pháp*. *Chánh Pháp* còn gọi là *Bát Chánh Đạo* hay cũng có người gọi là *Thánh đạo tám ngành*. (Tìm hiểu thêm trong bài: “Chuẩn mực đạo đức của mọi xã hội, mọi thời đại” – của website này). Như vậy, để đạt được đạo quả cao tốt cùng: *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác* – con đường đúng đắn (có thể nói là duy nhất) mà Như Lai chỉ

ra, đó là : là thực hành *Bát Chánh Đạo*. Thực hành *Bát Chánh Đạo* – với tinh thần không một chút vướng bận gì đến việc – thực hành *Bát Chánh Đạo* ! Thực hành *Bát Chánh Đạo* – với tinh thần tự nhiên – không một chút vướng bận gì đến việc – (phải) thực hành *Bát Chánh Đạo* !

Trở lại vấn đề, Thế Tôn đã dạy điều quan trọng:

“Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn dựa vào pháp mà thực hiện bố thí thì cũng như đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì. Trái lại, nếu Bồ Tát không dựa vào pháp mà bố thí thì cũng như người có mắt đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được mọi hình và mọi sắc”.

Đề rõ hơn, hãy lấy ví dụ của một nhà chính trị dùng *tài thí* để bố thí. Nhà chính trị này phải tính toán phương cách: Bố thí cho ai ? Ở đâu ? Mời phương tiện truyền thông gì ? Khi xuất hiện phải ăn mặc ra sao ? Nói năng như thế nào ? v.v.. Như vậy, việc bố thí này như *đi vào trong bóng tối* sẽ không thấy được được gì ngoài sự *vô minh*.

Bồ tát cũng như vậy. Đây là điều mà Như Lai cần nói trong bộ kinh “tuyệt đỉnh” này.

Đức Phật cũng đã nhấn mạnh:

“Này Tu Bồ Đề, cái gọi là pháp Phật, đó chính là cái không phải pháp Phật” . Thế Tôn nhấn mạnh, để mọi người không quên: Tất cả những pháp được “đóng mác” bất di bất dịch: chẳng hạn như “pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” ; pháp “Bát hoàn” v.v... và tất cả các pháp đóng khung, cứng nhắc ấy – được gọi là pháp Phật – Thế Tôn nói: đó không phải là pháp Phật.

Cũng cần phải nói rõ thêm: Thế Tôn đã nói rằng: *“Tu Bồ Đề ! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác”*. Ở đây, cần hiểu rằng: tất cả pháp Phật đều có thể gọi là *vô thượng chánh đẳng chánh giác*. Tất cả các pháp Phật đều *bình đẳng, không có cao thấp*.

Đến đây, một câu hỏi đặt ra là: Nếu vậy, một người đọc, tụng, hành trì kinh Phật này – và một người đọc, tụng, hành trì kinh Phật khác – thì thế nào ? Liệu rằng có cao, thấp ? Câu trả lời ngay rằng: tất cả đều bình đẳng, không cao, không thấp.

Nếu vậy, xin hỏi tiếp rằng: tại sao lại gọi kinh này là *tuyệt đỉnh* ? Xin trả lời ngay rằng: đây là *Tuyệt đỉnh kinh*.

Pháp Phật – cũng tựa như việc chữa bệnh. Trước một bệnh nhân: ốm yếu, gầy guộc, da dẻ xanh xao ... liền bốc ngay thứ thuốc đại bổ : cực hiếm và đắt tiền –

bệnh của bệnh nhân kia không những không thuyên giảm – mà còn có thể gây ngộ độc – dẫn đến tử vong. Ngược lại, nếu biết bệnh của bệnh nhân kia là do chứng *sán, lãi* – chỉ cần cho liều thuốc rẻ tiền – ít lâu sau bệnh nhân hồng hào khỏe mạnh trở lại ...

Một người *ua thích pháp nhỏ* – đưa kinh Kim cương Bát Nhã Ba La Mật này cho họ *đọc, tụng, hành trì* – thì cũng tựa như công việc “bốc ngay thứ thuốc đại bổ” ở ví dụ trên vậy. Điều chắc chắn là: họ chỉ xem được vài chữ rồi ngay lập tức ... ngáy “khò khò” ...

Ý nghĩa về sự *bình đẳng* trong pháp Phật – cần hiểu là: mỗi người đều có quyền tiếp cận pháp Phật – một cách phù hợp với bản thân mình. Điều quan trọng là: bệnh nhân ở ví dụ trên: “dần dần hồng hào, khỏe mạnh ...” – có nghĩa: hiệu quả đã như mong đợi !

Nên chú ý rằng: Có người *đến bên kia bờ giải thoát* trước ; có người đến sau ; có người đến sau, sau nữa ... Điều này không mang ý nghĩa là *cao hay thấp* !

Như Lai nói rằng: “*Ta đã là Phật, chúng sanh cũng sẽ là Phật*”. Ý nghĩa về sự *bình đẳng* của Như Lai là hết sức sâu sắc và đặc biệt đậm tính nhân văn .

Đức Phật nói:

“*Tu Bồ Đề ! Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác phải biết như thế về tất cả các pháp, phải thấy như thế về tất cả các pháp, phải tin hiểu như thế về tất cả các pháp mà không nên có khái niệm về pháp. Tu Bồ Đề ! Cái gọi là khái niệm về pháp Như Lai nói không phải là khái niệm về pháp, cho nên mới gọi là khái niệm về pháp*”.

Người đời rất hay thường đòi hỏi phải *thấy* . “Thấy mới tin”. Là người *phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác* thì không nên như vậy – mà phải thật tâm khiêm hạ học hỏi. Học ai ? Học ngay bậc đạo sư đã thành quả *Chánh đẳng giác* – đó không phải là điều quá may mắn, quá hạnh phúc hay sao ? Đó là phước đức lớn – phải trải qua rất nhiều đời, rất nhiều kiếp tu tập mới có được. Vì vậy, đừng cột chặt vào *khái niệm pháp* – tức, phải đòi hỏi chứng minh như thế này thế nọ – vốn dĩ là những đòi hỏi về khái niệm pháp của người đời. Cái mà người đời cột chặt vào khái niệm pháp ấy – *Như Lai nói đó không phải là khái niệm về pháp*. Thứ mà không phải là *khái niệm về pháp* ấy mới đích thực là pháp.

Và một điều quan trọng nữa:

“Tu Bồ Đề! Thầy đừng nghĩ là khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ta phải coi các pháp là hư vô, đoạn diệt. Đừng nghĩ như thế. Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác không chủ trương rằng các pháp là hư vô hay đoạn diệt”.

“Hữu sanh là hữu diệt”. Các Pháp của Như Lai không phải là của Như Lai ; không phải là Như Lai ; không phải là bản ngã của Như Lai – tức không phải là hữu sanh nên cũng không có diệt.

5. Một số vấn đề quan trọng khác:

+ Nhẫn nhục:

Có lẽ một trong những thuộc tính của con người, đó là: nóng vội. Mới bố thí được một ít tiền đã mơ ngay đến trúng số độc đắc ; mới tu được “một thời” đã nghĩ ngay đến đạo quả ... Chờ đợi chuyện gì đó hơi lâu là đã đem lòng bực bội rồi v.v...

Đức Phật cho hay rằng: kết quả của *ngiệp* (Nhân-Quả) có thể được báo ứng ngay trong đời này, đời sau hoặc đời sau nữa ... Sở dĩ như vậy, bởi kết quả của nghiệp chỉ khởi báo khi đã hội đủ *duyên* (ngày nay người ta gọi *duyên* là: “điều kiện ắt có và đủ”).

Trong kinh, Thế Tôn nói rằng: *“Tu Bồ Đề, cái gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật, Như Lai nói không phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật nên mới được gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật”.*

Chúng ta lại bắt gặp cách nói rất đặc trưng – lập đi lập lại nhiều lần trong kinh. Câu này có nghĩa là: Cái mà người đời gọi là Nhẫn Nhục – đối với Như Lai, đó không phải là Nhẫn nhục. Cái không phải là Nhẫn nhục ấy mới đích thực là Nhẫn nhục.

Vậy thì cái gọi là Nhẫn nhục của người đời là thế nào ? Đó là sự cam chịu – sự nhịn (nhục). Một khi đã là cam chịu, nhịn nhục – thì khổ quá ! Và bao giờ cũng có hai đối tượng: người “đày ải”; kẻ chịu đưng.

Nhẫn nhục như vậy là không phải ý của Như Lai. Sự Nhẫn nhục mà Như Lai hướng đến đó là năm trăm kiếp tu tiên để dứt được *Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả* (đã trình bày). Và trong kinh, Như Lai nói về một khía cạnh khác của Nhẫn nhục như sau: *“Tu Bồ Đề này, trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Kalinga cắt đứt thân thể, ta đã không bị kẹt vào khái niệm về Ngã, không bị kẹt vào khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả. Vì nếu khi đó ta bị kẹt vào những khái niệm ấy thì ta đã sinh tâm oán hận Kalinga (Ca Lợi Vương) mất rồi !”.*

Thiền sư Thích Nhất Hạnh dịch là *cắt đứt thân*, cho có vẻ nhẹ, thực chất đó là “tùng xẻo” (cứ một tiếng trống nổi lên là xẻo một miếng thịt). Ở đây, tinh thần Như Lai có cam chịu – nhịn nhục không ? Chẳng hề chút nào, vì: nếu tinh thần

Như Lai cam chịu, nhịn nhục – như người đời – thì đã bị cột chặt vào cái tôi (Ngã) – kẻ Ác vương (Nhân) – uất ức phải chết sớm (Thọ giả) – tiếc nuối phải rời xa thế gian (chúng sanh). Khi đó lòng căm hận hiển nhiên sẽ như thiêu như đốt ...

Thay vào những lẽ thông thường của người đời ấy, đó là sự thanh thản ! Sự thanh thản này chẳng hề vô cớ chút nào – bởi Như Lai biết rằng: đó là quy luật Nhân-Quả – quy luật của tự nhiên, bất biến. Sự thực là: Khi đó, nếu không phải là vua Kalinga – thì sẽ là một người khác làm việc tương tự như vậy. Đó là điều không thể nào tránh được !

Nhẫn nhục là một trong những *giới* hàng đầu để Phật tử tu hạnh Bồ Tát.

+ Thực tướng Như Lai

Có lẽ rất và rất nhiều người thích, mong muốn, khao khát được nhìn thấy Như Lai. Thậm chí có người dùng pháp quán tưởng để cố mà nhận diện Như Lai. Trong kinh, Lần thứ nhất, Thế Tôn hỏi thầy Tu Bồ Đề:

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Có thể nhận diện Như Lai qua ba mươi hai tướng không?”

Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao ? Vì cái mà Như Lai gọi là ba mươi hai tướng đều không phải là tướng, vì vậy cho nên Như Lai mới gọi là ba mươi hai tướng”.

Lần thứ hai, Thế Tôn hỏi thầy Tu Bồ Đề:

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua sắc thân đầy đủ không?”

Bạch không, cái mà Như Lai gọi là sắc thân đầy đủ thì không phải là sắc thân đầy đủ cho nên mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ không?”

Thưa Thế Tôn, không. Không thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ cho nên mới gọi là tướng mạo đầy đủ”.

Lần thứ ba, Thế Tôn hỏi thầy Tu Bồ Đề:

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?”

Tu Bồ Đề nói: “Thưa vâng, thưa vâng, phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai.

Phật nói: “Nếu nói lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?”

Tu Bồ Đề nói: “Thế Tôn, con hiểu lời Phật dạy rồi, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai.”

Thật thú vị ! Hai lần đầu, Ngài Tu Bồ Đề nói là *không* – nhưng đến lần thứ ba thì ... *có*. Ngay cả Ngài Tu Bồ Đề cũng bị ... “vướng” – hưởng hồ chi các vị Bồ Tát khác!

Ở lần thứ ba, Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: dùng Pháp *quán tướng* thì sẽ nhận diện được Như Lai qua ba mươi hai tướng tốt ... Thế nhưng, câu trả lời của đức Phật quả là hết sức tài tình: chỉ cần các bậc Thánh thôi – là sẽ biến hóa ngay được thành Phật. Còn với các Ma vương thì chuyện ấy quá dễ dàng.

Vậy thì Như Lai như thế nào ? Trong kinh, đức Phật hỏi dồn dập Ngài Tu Bồ Đề:

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt thịt không ?

Thầy Tu Bồ Đề nói: Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt thịt.

Phật hỏi: Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt trời hay không ?

Tu Bồ Đề nói: Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt trời.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt tuệ không ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt tuệ.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt pháp không ?

Tu Bồ Đề nói: Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt pháp.

Phật hỏi: Như Lai có mắt Phật không ?

Bạch Thế Tôn, có. Như Lai có mắt Phật”

Như vậy, Như Lai – muốn là ai – người trần, hay người trời – thì sẽ là người ấy.

Tiếp tục, đức Phật hỏi thầy Tu Bồ Đề:

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Có thể nhận diện Như Lai qua thân tướng hay không ?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Cái mà Như Lai nói là thân tướng vốn không phải là thân tướng.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: Nơi nào có tướng là nơi đó còn có sự lường gạt. Nếu thấy được tính cách không tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai”.

Ở cõi trần gian này, người đời xem trọng thân tướng. Có một kẻ lưu manh, ăn mặc hết sức bảnh bao ; nói năng diêm đạm ... lại còn đeo cặp mắt kính cận ... Người đời gặp, tiếp xúc với anh ta liền nghĩ ngay đến người trí thức, “đáng tin cậy” ... Thế nhưng, nếu như có được “mắt Phật”, thì – kẻ lưu manh đội lốt ấy sẽ hiện nguyên hình !

Đức Phật cũng đã nói:

“Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ cho nên mới gọi là tướng mạo đầy đủ”.

Câu này cần được hiểu là: *Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ (theo cách hiểu và cách gọi của người đời) cho nên mới gọi là tướng mạo đầy đủ.*

Nếu theo cách hiểu và cách gọi của người đời thì: Như Lai duy nhất chỉ có một thực thể đầy đủ với ba mươi hai tướng tốt. Như vậy, liệu rằng có đúng là đủ chưa ? Rõ là chưa, bởi sự đủ mà Như Lai đề cập đến là vô lượng tướng.

“Tu Bồ Đề, thầy đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Thế Tôn hé lộ cho hay rằng: khi cần đến nơi nào, thế giới nào – Thế Tôn sẽ có tướng phù hợp nơi ấy, thế giới ấy.

Đến đây, một câu hỏi lại mở ra: Vậy thì “nhà” của Như Lai ở đâu ? (Có những câu hỏi có vẻ ngây ngô như vậy, thế nhưng, dấu sao, đó vẫn cứ là câu hỏi). Trong kinh, đức Phật nói:

“Tu Bồ Đề, nếu có kẻ nói: 'Thế Tôn có tới, có đi, có ngồi, có nằm' kẻ ấy không hiểu được điều ta nói. Tại sao? Như Lai có nghĩa là không từ đâu tới cả và cũng không đi về đâu cả, cho nên gọi là Như Lai”.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện diện – bằng bạc không chỉ ở cõi Ta Bà này – mà Ngài có thể ở bất cứ đâu – trong mọi thế giới của hằng hà sa số các vũ trụ. Đây là điều – con người – cho dù có sức tưởng tượng mạnh mẽ và phong phú đến đâu đi chăng nữa – cũng không thể hình dung ra hết được. Vì vậy, đừng “đóng khung” Như Lai trong bất kỳ thân tướng nào. Hãy ghi nhớ bài kệ quan trọng trong bộ kinh:

*Tìm ta qua hình sắc
Cầu ta qua âm thanh
Là kẻ hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.*

+ Trang nghiêm (nơi) cõi Phật

Đức Phật hỏi:

*“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật chăng ?
Bạch Thế Tôn, không. Vì sao ? Trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật, vì vậy nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.*

Như thế đó, thầy Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát và đại nhân nên phát tâm thanh tịnh theo tinh thần ấy. Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm. Chỉ nên phát tâm trong tinh thần vô trụ”.

Ở một đoạn kinh khác đức Phật nói:

“Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nghĩ 'ta phải trang nghiêm đất Phật ' thì người đó chưa phải là Bồ Tát. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là trang nghiêm đất Phật vốn không phải là trang nghiêm cho nên mới gọi là trang nghiêm”.

Người đời, đối với tín ngưỡng, tôn giáo – sự trang nghiêm thể hiện như thế nào ? Đó là các nghi thức, nghi lễ ... rườm rà, phức tạp. Một số tín ngưỡng, tôn giáo còn đề ra rất nhiều những ràng buộc đi kèm các nghi thức, nghi lễ ...

Những điều này, “mang đến cõi Phật” có phải là thể hiện sự trang nghiêm không ?

Như Lai nói là không ! Trang nghiêm (nơi) đất Phật – không có nghi thức, nghi lễ ... phức tạp, rườm rà. Hẳn nhiên là tuyệt đối không có sự cầu xin – ban ơn, ban phước ; càng không có kẻ dưới, người trên.

Sự trang nghiêm nơi đất Phật: đó là sự thanh tịnh, bình đẳng tuyệt đối.

+ Quả đạo

Đạo quả hay quả đạo là kết quả chuyển hóa từ *chất* này sang *chất* khác. Nếu như từ một *chất* cao chuyển xuống một *chất* thấp thì không phải là quả đạo. Quả đạo (một *chất* nhất định) nào đó có được – đó là do cả một quá trình tu tập (theo phương pháp Phật) lâu dài – tiếp diễn từ đời này sang đời khác ; từ kiếp này sang kiếp khác mà có.

Trong cặp phạm trù *Lượng-Chất* của triết học Marx, Marx cho rằng: một khi tích lũy *lượng* đủ – và với *một điều kiện nhất định* – thì *lượng* sẽ biến thành *chất*.

Trong tác phẩm “Tâm và Tâm linh” (chuanet.org) diễn đạt cụ thể hơn: *chất* của một đạo quả nhất định nào đó – đó là *năng lực tâm linh* của quả đạo đó.

Trong kinh, Thế Tôn hỏi:

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Một vị Tu Đà Hoàn có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tu Đà Hoàn' không ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không. Vì sao ? Tu Đà Hoàn có nghĩa là đi vào dòng mà thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Không đi vào dòng sắc, cũng không đi vào dòng thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy cho nên gọi là "đi vào dòng"

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Một vị Tu Đà Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tu Đà Hàm' không ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao ? Tu Đà Hàm có nghĩa là một đi một trở lại mà thật ra không có sự đi cũng không có sự trở lại. Vì vậy cho nên gọi là Tu Đà Hàm.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A Na Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A Na Hàm' không ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không. Vì sao ? A Na Hàm có nghĩa là không trở lại. Mà thật ra làm gì có sự không trở lại ? Vì vậy cho nên gọi là A Na Hàm.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Một vị A La Hán có thể nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A La Hán' không ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao ? Thật ra không có pháp nào riêng biệt được gọi là A La Hán”.

Nhắc lại, quả đạo có được là sự chuyển hóa, biến đổi về *chất*. Hay nói cách khác, đó là sự chuyển hóa, biến đổi về *năng lực tâm linh* người. Một người, thuộc dạng *chất* nào ; hay còn gọi *năng lực tâm linh* đến đâu – thì chỉ có những ai đạt được *Thiên nhân thông* thuộc *Lục thông* – mới nhận biết được (xem thêm trong “Trí Tuệ Phật” – truy cập: chuanet.org).

Ở đoạn kinh trên, một số vị Bồ Tát suy nghĩ chủ quan, tự cho mình là đạt đạo quả này, đạo quả nọ là không đúng.

(Trong kinh dùng thuật “chơi chữ” để phủ định. Ví dụ: *Tu Đà Hàm có nghĩa là một đi một trở lại mà thật ra không có sự đi cũng không có sự trở lại*).

Đạo quả là vấn đề ưu tư, trăn trở, nặng lòng của người tu hành ... Tuy nhiên, hãy nhớ lời dạy của Thế Tôn về việc Bồ thí (ở đây là *Tâm thí* – chỉ sự hành trì tu tập) :
“*Nếu Bồ Tát không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ được, không thể lường được*”.

Đến đây, Ngài Tu Bồ Đề thưa với đức Phật:

“*Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn thường nói con đã đạt tới Vô Trách Tam Muội và trong Tăng Thân, con là vị A La Hán ly dục đệ nhất.*

Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đã đắc quả A La Hán thì chắc Thế Tôn đã không nói rằng Tu Bồ Đề là người ưa hạnh A Lan Na.”

Với *Thiên nhĩn thông* của Như Lai – đức Phật nói về Ngài Tu Bồ Đề – như vậy, việc đắc quả đạo A La Hán của thầy Tu Bồ Đề là xác thực.

+ Thế giới vi mô và thế giới vĩ mô

Thế giới vi mô và vĩ mô của các chư Phật – là thế giới mà con người – cho dù chỉ bằng sức tưởng tượng – và sức tưởng tượng ấy là rất phong phú cũng không thể hình dung hết ra được. Trong kinh đức Phật nói về sự nhỏ (vi mô):

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Cát bụi do tam thiên đại thiên thế giới nghiền ra có nhiều không ?

Tu Bồ Đề thưa: Nhiều lắm, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi cho nên mới thực sự là cát bụi”.

“Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thế giới tam thiên đại thiên nghiền thành bụi nhỏ thì thầy nghĩ sao ? Bụi nhỏ như thế có nhiều không?

Tu Bồ Đề nói: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Nếu bụi nhỏ mà có thật thì Phật đã không gọi chúng là bụi nhỏ. Vì sao? Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ cho nên mới là bụi nhỏ”.

Sự nhỏ của người đời được tính bằng milimét ; một phần trăm của milimét ; một phần ngàn của milimét ; một phần trăm ngàn của milimét ; một phần triệu của milimét . Có lẽ đến đây là hết cỡ. Thôi thì cứ thêm lên một mức nữa: một phần tỷ của milimét .

Sự nhỏ mà Như Lai đề cập như vậy đã thật sự nhỏ chưa ? Như Lai nói: *“Những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi cho nên mới thực sự là cát bụi”* và *“Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ cho nên mới là bụi nhỏ”*.

Những câu này cần hiểu là:

Những cát bụi (của người đời cho là nhỏ ấy) *Như Lai gọi không phải là* (nhỏ - còn lớn lắm) – những thứ không theo kiểu nhỏ ấy của người đời *mới thực sự là nhỏ*.

Và, câu: *“Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ cho nên mới là bụi nhỏ”* cũng có nghĩa tương tự: *Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ* (của người đời nhận biết được) *cho nên mới là bụi nhỏ*.

Những thứ không theo kiểu nhỏ ấy của người đời là những thứ mà Như Lai rất khó diễn đạt cho người đời hiểu – vì vậy, trong kinh Như Lai nói:

“Tu Bồ Đề, nếu có kẻ bảo Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, kẻ ấy có hiểu được ý ta không?”

Thưa không, Thế Tôn. Kẻ ấy không hiểu được ý Như Lai. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến.

Kiến ở đây có nghĩa là thấy. Sự thấy này của người đời có thể dùng các phương tiện như siêu kính hiển vi; siêu kính thiên văn... Nếu dùng sự thấy thấp kém này để áp đặt vào điều “*Phật nói*” – thì đó là sự bịa đặt, giả dối – cũng có nghĩa là chưa hiểu được Như Lai. Sự thấy, sự nhận biết này của Như Lai là sự thấy, sự nhận biết bằng khả năng phi thường của “*Thiên thông nhãn*”.

Thế Tôn nói về sự nhiều, sự bao la (thuộc vĩ mô):

“Thầy Tu Bồ Đề, ví dụ trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu dòng sông Hằng. Vậy thì cát của tất cả các sông Hằng ấy có nhiều không?”

Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Số lượng các sông Hằng đã là vĩ đại, huống là số lượng những hạt cát của các sông Hằng ấy.”

“Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Phật có thấy là cát không?”

Tu Bồ Đề nói: Bạch Thế Tôn, Như Lai cũng gọi cát là cát vậy.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, nếu mỗi hạt cát trong sông Hằng là một sông Hằng, thì số lượng thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng ấy có nhiều không?”

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: Trong tất cả các thế giới ấy có đủ tất cả các loài chúng sinh mà tâm ý các chúng sinh ấy cũng có đủ loại. Vậy mà loại tâm ý nào trong số ấy Như Lai cũng đều biết hết. Tại sao? Tu Bồ Đề, tại vì cái mà Như Lai gọi là các loại tâm ý đều không phải là các loại tâm ý, cho nên mới gọi là các loại tâm ý”.

Sự thấy, sự nhận biết của các chư Phật là tận cùng của vô cùng, tận cùng của vô tận!

Ở đây, cho chúng ta một sự choáng ngợp: Thế giới Phật – nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng. Sự nhiều này – không thể tính bằng các con số!

Ngoài ra, ở đây cũng cho chúng ta biết thêm: Trong tất cả các thế giới (nhiều như số cát trong tất cả những sông hằng) ấy có đủ tất cả các loài chúng sinh mà tâm ý các chúng sinh ấy cũng có đủ loại – vậy mà, loại tâm ý nào trong số ấy Như Lai cũng đều biết hết (!).

Hẳn nhiên, sự biết *tâm ý* mà Như Lai muốn đề cập ở đây – không phải theo kiểu nắm bắt (sự biết) *tâm ý* của người đời – vì sao ? Vì *tâm ý* theo kiểu nắm bắt (sự biết) của người đời thì: “*Tu Bồ Đề, tâm quá khứ không nắm bắt được, tâm hiện tại không nắm bắt được, mà tâm vị lai cũng không nắm bắt được*”. Với người đời, ngay cả *tâm hiện tại* còn không nắm bắt được huống hồ gì *tâm quá khứ, vị lai*. Người đời có câu: “*Biển sâu dễ dò, lòng người khó bắt*” là vậy. Ở đây, khái niệm về *thế giới* (thuộc *vĩ mô*) mà Như Lai đề cập rất cần được chú ý:

Tu Bồ Đề thưa: “Thế Tôn! Cái mà Như Lai gọi là thế giới tam thiên đại thiên, nó không phải là thế giới cho nên mới gọi nó là thế giới. Vì sao ? Nếu thế giới mà có thật thì đó là một hợp tướng. Cái mà Như Lai gọi là một hợp tướng vốn không phải là một hợp tướng cho nên gọi là một hợp tướng.

Tu Bồ Đề! Cái gọi là một hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất. Chỉ có kẻ phàm phu mới bị vướng mắc vào đó mà thôi”.

Thế giới Tam thiên đại thiên mà người đời nghĩ đến đó là những phép tính cộng đơn thuần. Nếu chỉ là những phép cộng đơn thuần thì đó là *hợp tướng* .

Thế Tôn đã từng nói rằng: *Nơi nào còn có tướng thì nơi đó còn giả dối. Nếu là hợp tướng thì là không thật.*

Đức Phật đã chỉnh sửa lại ý của Ngài Tu Bồ Đề: “*Cái gọi là một hợp tướng (của người đời) chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất. Chỉ có kẻ phàm phu mới bị vướng mắc vào đó mà thôi”.*

“*Cái mà Như Lai gọi là thế giới tức không phải là thế giới cho nên được gọi là thế giới*”. Thế giới của Như Lai đề cập đến – là những thế giới mà con người với những hạn chế thuộc về bản chất – sẽ không bao giờ vươn tới được – cho dù với nền văn minh cao tột, có thể chế tạo ra siêu, siêu kính viễn vọng ... Muốn nắm bắt những điều đức Phật nói, duy nhất chỉ có một cách: trở thành Phật – bước vào thế giới của *Vô vi* – rời bỏ những hạn chế của *hữu hạn, tương đối* – bước vào “*đời sống*” khác với những định luật của *tuyệt đối, vô hạn*.

Trong kinh, có hai lần Thế Tôn đề cập đến thân người lớn:

Lần thứ nhất:

“*Này thầy Tu Bồ Đề, ví dụ có người có thân lớn như núi chúa Tu Di, thầy nghĩ sao? Thân ấy có lớn không ?*

Tu Bồ Đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, lớn lắm. Vì sao ? Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn mới đích thật là thân lớn.”

Lần thứ hai:

“Tu Bồ Đề, cũng ví dụ như thân người cao lớn.

Tu Bồ Đề thưa: “Cái mà Như Lai gọi là thân người cao lớn, chẳng phải là thân người cao lớn.”

Ở lần thứ nhất, Ngài Tu Bồ Đề thưa: *Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn (như sự lớn của người đời) mới đích thật là thân lớn.*

Ở lần thứ hai, Ngài Tu Bồ Đề thưa: *Cái mà Như Lai gọi là thân người cao lớn, chẳng phải là thân người cao lớn (theo kiểu lớn của người đời) .*

Vậy, thân người cao lớn của Như Lai muốn đề cập là gì ? Đó là *có người có thân lớn như núi chúa Tu Di*. Ở đây, Như Lai muốn nói rằng: với hạn chế của “giống loài người” – thì việc *có người có thân lớn như núi chúa Tu Di* – chỉ là chuyện hoang đường, không tưởng. Chuyện hoang đường, không tưởng này – cũng ví như: đưa chiếc điện thoại di động cho con bò gọi bầy – thay vì cứ phải rống cổ lên vậy !

+ Tuyên thuyết của Như Lai

Đức Phật hỏi thầy Tu Bồ Đề:

“Như Lai có pháp gì để tuyên thuyết hay không?

Thầy Tu Bồ Đề thưa: Theo con hiểu điều Phật dạy thì không có một pháp nào riêng biệt được Như Lai tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp mà Như Lai đã chứng và đã nói thì không thể nắm bắt được, cũng không thể diễn tả được. Đó không phải là pháp cũng không phải là không pháp. Vì sao ? Vì tất cả các bậc hiền thánh đều do pháp vô vi mà trở nên khác người.”

Ở một đoạn kinh khác:

“Phật hỏi: Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Như Lai có pháp để nói không?

Tu Bồ Đề thưa: “Bạch Thế Tôn, Như Lai chẳng có gì để nói cả.”

Ở một đoạn kinh khác nữa:

“Tu Bồ Đề, thầy đừng bảo rằng Như Lai có ý niệm: ta sẽ thuyết pháp. Đừng nghĩ như thế. Vì sao? Nếu có người nghĩ rằng Như Lai có pháp để nói tức là người đó phỉ báng Phật vì lẽ người đó không hiểu điều ta nói. Tu Bồ Đề, thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được nói, như vậy gọi là thuyết pháp”

Trước hết, xin trích dẫn một phần trong mục “Triết lý riêng biệt” của website chùaNet (chuanet.org)”

“Vì sao đức Thế Tôn lại nói: “Tôi không có gì để nói” hoặc một câu khác, tương tự: “Tôi không có gì để tuyên thuyết” ?

Nếu như đức Thế Tôn – không nói câu này – thì, những gì mà Ngài đã từng nói đều là phát kiến, chủ kiến của riêng ngài – tức, là quan điểm riêng, mang tính chủ quan.

*Thế Tôn nói rằng: “Tôi không có gì để nói”, “Tôi không có gì để tuyên thuyết” bởi: những điều đức Thế Tôn **nói-mà-không-nói** – vì sao ? vì nếu như đức Thế Tôn **không nói** – thì điều ấy vẫn cứ xảy ra.*

“Có Phật hay không có Phật thì điều ấy vẫn cứ xảy ra”. Đây mới thật sự là khách quan, đây mới thật sự là lẽ thật (chân lý)”.

Người đời, khi *tuyên thuyết* – tức công bố một học thuyết nào đó – có nghĩa học thuyết đó là của ông nào đó, bà nào đó ... Ví dụ như: Lão Tử ; Khổng Tử ; Marx v.v...

Học thuyết của một ai đó – hoặc nhóm người nào đó – đó là phát kiến riêng, gắn chặt với tính chủ quan – là thể hiện cái tôi một cách đặc trưng, riêng biệt.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có học thuyết nào không ? Chẳng hề có một học thuyết nào ! Triết lý cốt lõi nhất – cho dù đó là triết lý của cả một hệ thống – cũng chỉ là xoay quanh sự khổ. Sự khổ thì lấy gì là của Như Lai ? Lấy gì là Như Lai ? Lấy gì là *tự ngã* của Như Lai ? Đức Phật đã trình bày trong “Tứ diệu đế” về sự khổ gồm: Nhận diện sự khổ ; Nguyên nhân mang đến sự khổ ; Diệt trừ sự khổ ; Giải thoát vĩnh viễn mọi sự khổ.

Hãy xét xem có gì là của Như Lai không ? Nhận diện sự khổ: ai mà không nếm trải mùi khổ ? Ví ai cũng nếm trải mùi khổ nên chẳng nói họ cũng biết. Nguyên nhân dẫn đến sự khổ: khổ vì cái gì – ai mà không biết ! Ví như cô A bị anh B phụ tình ... Diệt trừ sự khổ: Từ cổ chí kim, mỗi người đều phải tự mình tìm cách tiêu trừ nỗi khổ của riêng mình! Giải thoát vĩnh viễn mọi sự khổ: Vô lượng vô biên các chư Phật đều đã giải thoát đầy thôi !

Trong bộ kinh đặc biệt này, như đã trình bày ở phần trên, Như Lai nói rằng: “*Tu tập tất cả các thiện pháp theo tinh thần vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả thì đạt được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác*”.

Quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác – là mức cao tột đỉnh của các chư Phật. Thế tôn đã nói: chỉ cần suy nghĩ, lời nói, hành xử ... thiện – là đạt được quả đạo cao tột ấy (các pháp thiện được được giới thiệu một cách đầy đủ trong *Chánh*

Pháp hay còn gọi là *Bát chánh đạo* ; *Thánh đạo tám ngành* gồm: *chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và chánh định*).

Như vậy, Như Lai có gì mà *tuyên thuyết* ?

Bởi bất cứ ai, thuộc bất cứ tôn giáo đảng phái nào – từ ngàn xưa đến nay – hễ cứ tôi luyện suy nghĩ, lời nói, hành xử ... thiện – nói một cách đầy đủ là *chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và chánh định* – mà không dựa vào đâu: không dựa vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp – thì đều đạt được Quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong kinh Như Lai nói khái quát hơn rằng: “*Vậy nên thầy Tu Bồ Đề ơi, Bồ Tát khi phát tâm bồ đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả các khái niệm, không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm vô trụ*”.

Và, cũng là bởi đã từng có vô lượng Phật đạt quả đạo bằng cách như vậy.

Cụ thể tôi luyện tính thiện mà không dựa vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp là thế nào ? Là tôi luyện cho đến khi tính thiện trở thành thuộc tính tự nhiên của mình – đến mức, chẳng may, lỡ làm một việc hết sức cón con bất thiện – là đã ray rứt, sám hối không nguôi rồi.

Như Lai đã từng nói: “*Tất cả đều là pháp Phật*”. Vì người đời xét nét, câu nệ, phân biệt ... nên đủ thứ rắc rối. Suy cho cùng: Tất cả đều là pháp Phật ! Có thể đảo lại câu nói của Thế Tôn là: “*Này Tu Bồ Đề, cái không phải là pháp Phật thì được gọi là pháp Phật*”.

Như vậy, Như Lai có gì mà *tuyên thuyết* ?

Vì không có gì *tuyên thuyết* nên đó mới đích thực là *tuyên thuyết* ! Xin dùng câu nói rất “phổ biến” ở trong bộ kinh tuyên định này vậy.

Ngoài ra, Thế Tôn nói một câu – thiết nghĩ, các chư vị Bồ Tát nên hết sức lưu ý:

“*Tu Bồ Đề, thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được nói, như vậy gọi là thuyết pháp*”.

Các chư vị Bồ Tát, khi thuyết pháp – rất thường hay đưa ra nhận định, đánh giá ... mang đậm cái tôi chủ quan của mình. Như vậy là chưa phải thuyết pháp. Chỉ khi

không có một chút chủ quan nào được nói, như vậy mới gọi là thuyết pháp. Có nghĩa: một vấn đề nào đó, hãy nên dẫn: Như Lai nói ... trong kinh ... đó mới đích thực là thuyết pháp vậy.

+ Tính chất đặc thù của bộ kinh

Đến đây, “độ khó” của bộ kinh đã không còn. Chỉ còn là những lời của Như Lai nói về phước đức dành cho những ai tin, thọ trì, đọc tụng, chia sẻ ... bộ kinh này. Có lẽ bộ kinh dành nhiều “đất” cho lãnh vực này – bởi đây là bộ kinh tuyệt đỉnh – không những về phương diện trí tuệ mà còn mang lại phước đức vô cùng lớn lao cho người tiếp cận, hành trì nó ... Xin đọc tiếp rất nhiều đoạn đề cập vấn đề này – điều rất hay là: tuy rằng chỉ có một vấn đề – song, cách Thế Tôn diễn đạt là hết sức phong phú, đa dạng ...

“Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Nếu có người đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chứa đầy cả thế giới tam thiên đại thiên này để bố thí, thì người ấy có phước đức nhiều hay không ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao ? Bạch đức Thế Tôn, vì phước đức ấy trong tự thân chẳng phải là phước đức nên Như Lai mới nói là phước đức nhiều.

Nếu có người tiếp nhận và hành trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu trong kinh thôi rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức của người này còn lớn hơn phước đức của người kia”.

“Này Tu Bồ Đề, bây giờ tôi muốn hỏi thật thầy rằng, nếu có người con trai hay người con gái nhà lành nào đem châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên nhiều như cát của tất cả các sông Hằng kia mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: “Nếu người con trai hay người con gái nhà lành nào mà thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước.

Còn nữa, thầy Tu Bồ Đề, mảnh đất nào mà nơi đó có người thuyết kinh này, dù chỉ là thuyết một bài kệ bốn câu thôi, thì nên biết rằng mảnh đất ấy là nơi mà tất cả các giới Thiên, Nhân và A Tu La đều phải hướng về cúng dường như là cúng dường tháp miếu của Phật. Một mảnh đất mà còn như thế, huống gì là bản thân người đứng ra hành trì và đọc tụng. Tu Bồ Đề ơi, thầy nên biết rằng, một con người như thế đã thành tựu được chuyện hiếm có tối thượng. Nơi nào mà có kinh này là nơi đó có mặt của bậc đạo sư, hoặc một vị đệ tử lớn của người.”

“Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng mà thực hiện việc bố thí, và nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành khác biết thọ trì và đem kinh này ra giảng cho kẻ khác, dù chỉ thọ trì và giảng dạy bốn câu thôi, thì phước đức của người này cũng nhiều hơn phước đức của người trước”.

“Tu Bồ Đề, trong tương lai nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào mà có khả năng tiếp nhận, đọc tụng và hành trì kinh này thì người ấy sẽ được Như Lai nhìn thấy với con mắt trí tuệ của Người. Như Lai sẽ BIẾT người ấy, sẽ THẤY người ấy và người ấy sẽ thực hiện được công đức vô lượng vô biên”.

“Này thầy Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào buổi sáng đem thân mạng mình ra nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, buổi trưa và buổi chiều cũng vậy, trong thời gian trăm ngàn vạn ức vô lượng kiếp, và nếu có một kẻ khác tuy không làm như thế, nhưng khi nghe đến kinh này thì đem lòng tin tưởng, không phản kháng lại thì phước đức còn nhiều hơn phước đức của người kia.

Nghe mà đem lòng tin còn có phước đức lớn như vậy, huống hồ là biên chép, hành trì, đọc tụng và giải thích cho kẻ khác được nghe”.

“Tu Bồ Đề, nói tóm lại thì kinh này có công đức vô biên, không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết cũng không thể đo lường. Nếu có người nào có khả năng thọ trì, đọc tụng và phổ biến cho người khác biết thì kẻ ấy sẽ được Như Lai thấy tới, biết tới và người ấy sẽ thực hiện được công đức không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết, không có biên giới, không có đo lường, không thể so sánh”.

“Người như thế có thể gánh vác sự nghiệp vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai”.

“Tu Bồ Đề, bất cứ nơi nào có kinh này thì tất cả các giới Thiên, Nhân, A Tu La đều phải đến cúng dường, những nơi ấy đều được gọi là bảo tháp cần được cung kính, hành lễ, đi quanh và cúng dường bằng hoa và bằng hương”.

“Này nữa thầy Tu Bồ Đề, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào đọc tụng và hành trì kinh này mà bị người khác chê bai hủy báng thì người ấy sẽ tiêu trừ được các tội chướng trong các kiếp trước kể cả những tội chướng có thể đưa người kia rơi xuống các nẻo ác và sau đó sẽ thực hiện được quả vị chánh đẳng chánh giác”.

“Tu Bồ Đề, ta nhớ vô lượng a tăng kỳ kiếp về trước, trước khi được gặp Phật Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức na do tha các vị Phật. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận. Nếu vào thời Mạt thế mà có người có khả năng đọc tụng và thọ trì kinh này thì phước đức đạt được còn lớn hơn hàng trăm ngàn vạn ức lần phước đức của ta ngày trước. Dùng thí dụ về toán số cũng không thể hình dung được phước đức ấy”.

“Tu Bồ Đề, vào thời Mạt thế, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức đạt được lớn cho đến nỗi nếu ta nói ra thì sẽ có người hồ nghi, không tin và tâm có thể trở nên cuồng loạn. Tu Bồ Đề, nên biết: nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết và hoa trái của sự thọ trì kinh này cũng không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết.”

“Tu Bồ Đề, giả dụ có người tom góp bảy thứ châu báu chứa đầy từng đồng cao như tất cả các núi Tu Di trong thế giới tam thiên đại thiên này để mà bố thí thì công đức của những người ấy đem so với công đức của những người đọc, tụng và thọ trì Kinh Kim Cương Nặng Đoạn này rồi đem ra giảng nói cho người khác nghe thì trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần không được một. Phước đức của người hành trì kinh, dù chỉ là hành trì một bài kệ bốn câu, cũng không thể nào dùng ví dụ hay toán học để mà diễn tả nổi”.

“Tu Bồ Đề, nếu có một vị Bồ Tát đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chất đầy cả các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí thì công đức ấy cũng không lớn bằng công đức của một người đã hiểu được rằng tất cả các pháp đều là vô ngã và chấp nhận được sự thật đó một cách hoan hỷ”.

“Tu Bồ Đề, nếu có người đem bảy thứ châu báu số lượng lớn đến nỗi chứa đầy các thế giới nhiều tới vô lượng a tăng kỳ để bố thí thì phước đức cũng không bằng phước đức của một người con trai hay một người con gái nhà lành khi người này phát tâm bồ đề, đọc tụng thọ trì kinh này và đem giải thuyết cho người khác nghe, dù chỉ là một bài kệ bốn câu trong ấy. Giải thuyết theo tinh thần nào? Giải thuyết mà không kẹt vào tướng, như như và không động chuyển”.

“Tu Bồ Đề, Như Lai là kẻ nói lời chính xác, là kẻ nói lời đúng với sự thật, là kẻ nói lời phù hợp với thực tại, là kẻ nói lời không dối trá, là kẻ chỉ nói một lời”.

Trong kinh, có lúc thầy Tu Bồ Đề ưu tư:

“Lúc đó huệ mạng Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: Thế Tôn, đời sau khi được nghe pháp này chúng sanh có thể phát sanh lòng tin hay không?” .

Thế nhưng, sau khi nghe Thế Tôn giảng giải, thầy Tu Bồ Đề:

“Nghe kinh này tới đây, thấm được nghĩa lý thâm sâu, thầy Tu Bồ Đề cảm động khóc rơi nước mắt. Thầy thưa: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thật là hiếm có, từ ngày theo Thế Tôn đạt được tuệ nhân cho đến giờ, con chưa bao giờ được nghe kinh điển thâm diệu như hôm nay. Thế Tôn, nếu có người nghe được kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và đạt được cái thấy chân thật thì nên biết người ấy đã thực hiện được công đức hiếm có vào bậc nhất”.

“Sau khi nghe Phật nói Kinh này, thượng tọa Tu Bồ Đề và các vị khất sĩ, nữ khất sĩ, Ưu bà tắc, Ưu bà di và tất cả các giới Trời, Người và A tu la đều rất hoan hỷ, tin tưởng và tiếp nhận để thực hành”.

Tổng luận

Bộ kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa – có thể ví như một tiếng sấm – làm kinh động tâm khảm của con người. Những điều Như Lai chỉ dạy – đã “điểm trúng huyết” – đã chỉ rõ những sai trái của con người – vốn “yên ổn” trong những suy nghĩ cho rằng “thánh thiện” của mình. Con người đã rung động bởi những nếp nghĩ vốn đã hằn sâu ấy – nay, phút chốc bị xói tung hết cả lên ...

Tư tưởng cốt lõi, chủ đạo của bộ kinh này là: Tất cả pháp *Hữu vi* trên cõi thế gian này đều là “*mộng huyễn bào ảnh*” ; tất cả đều “*như sương, như chớp lờ*” – vậy mà sao người đời cứ bám chặt ... Thậm chí – bất chấp tất cả – để ghì chặt lấy *sương, chớp, mộng huyễn, bào ảnh* ấy ... Không rời pháp *Hữu vi* – cũng có nghĩa không thể nào thoát khỏi cảnh trầm luân để đạt đến cứu cánh giải thoát. Nếu như một người “ngoại đạo” không nhận biết được điều này đã đành – song, một Bồ Tát mà còn *ưa thích pháp nhỏ* – thì thật là ... tai họa ! Ranh giới giữa *Vô vi* và *Hữu vi* có khi là hết sức mong manh (con người rất dễ chìm trong hoan lạc khi được xung tưng ...). Chỉ một “bước nhỏ” thôi, đã có thể là *Hữu vi* rồi ! Mà, có khi lại còn không hay mình đã *Hữu vi* tự lúc nào ! Trong kinh Duy Ma Cật, Triết lý này cũng được đặt ra – tuy nhiên, cách đặt vấn đề có vẻ trực diện hơn, rất mạnh mẽ, và cũng là rất dứt khoát: *Hữu vi hay không Hữu vi* ! Đây vừa là triết lý cũng vừa là lời cảnh giác đanh thép (với những ai tu hạnh Bồ Tát): Phải luôn soi rọi – và luôn hỏi bản thân mình: *Hữu vi hay không Hữu vi* ?! Thật sự, đây mới chính là “tiếng sấm” đích đáng của Như Lai muốn gọi đến con người !

Ngoài ra, bộ kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa đã đề cập đến – hầu như là tất cả – những phương diện đặc biệt trọng yếu: Về việc cứu độ chúng sinh ; về Bồ thí và Phước đức ; về Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả ; về pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ; về Nhẫn nhục ; về Thực tướng Như Lai ; về tính Trang nghiêm (nơi) cõi Phật ; về Quả đạo ; về Thế giới vi mô và vĩ mô ; về Tuyên thuyết của Như Lai ; và về Tính chất đặc thù của bộ kinh này.

Chính những phương diện đặc biệt trọng yếu đã được Như Lai chiếu sáng – khiến con đường trở thành Phật và đạt quả đạo Vô thượng của mỗi người trở nên minh bạch, rõ ràng ...

Xin dùng lời của Ngài Tu Bồ Đề đề gởi đến Thế Tôn lòng thành kính ngưỡng mộ vậy: *“Thế Tôn, Người thật là bậc hiếm có ! Thế Tôn thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát ... Chúng con rất mong được nghe Người chỉ dạy...”*

Như vậy, quý vị đã tiếp cận toàn bộ bộ kinh thuộc hàng thượng đẳng về trí tuệ lẫn phước đức. Dưới đây, xin giới thiệu nguyên bản bộ kinh do Thiên sư Thích Nhất Hạnh dịch – mong rằng quý vị tiếp nhận, đọc, tụng, hành trì hàng ngày – và đừng quên chia sẻ giới thiệu cho nhiều người cùng biết. Đặc biệt, riêng với các chư vị Bồ Tát, mong rằng quý vị hãy dụng biệt tài *thuyết pháp* để đồng đạo các Phật tử được nghe, hiểu “tinh thần” bộ kinh – cũng nên giúp các Phật tử ghi tâm hai bài kệ quá đặc biệt và rất ngắn trong bộ kinh quý này ...

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật !

Nam mô A Di Đà Phật !

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát !

Nam mô thập phương chư Phật !

Nam mô Tôn Pháp Hiền Thánh Tăng thường trụ Tam Bảo !

Ngày 13/07/2018
Phan Tùng Châu

KIM CƯƠNG GƯƠM BÁU CẮT ĐỨT PHIÊN NÃO

(Bản tiếng Việt của thiền sư Thích Nhất Hạnh)

Kệ tán:

*Làm sao vượt sinh tử
Đạt được thân Kim Cương
Tu tập theo lối nào
Quét được muôn huyễn tướng
Xin Phật đem lòng thương
Mở bày kho bí tạng
Vì tất cả chúng con
Dem pháp mâu diển xuống !*

Đây là những điều tôi được nghe hồi đức Phật còn ở tại tu viện Kỳ Thọ Cấp Cô Độc gần thành Xá Vệ, với đại chúng khát sĩ gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Hôm ấy vào giờ khát thực, đức Phật mặc áo và ôm bát đi vào thành Xá Vệ. Trong thành, Người theo phép tuần tự ghé từng nhà để khát thực. Khát thực xong, Người về lại tu viện thọ trai. Thọ trai xong, Người xếp y bát, rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

Lúc ấy, từ chỗ ngồi của mình trong đại chúng, thượng tọa Tu Bồ Đề đứng dậy, trích vai áo bên phải ra, quỳ chân trái xuống, chắp tay cung kính bạch với đức Phật rằng: "Thế Tôn, Người thật là bậc hiem có ! Thế Tôn thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát. Thế Tôn, những người con trai hiền và những người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên nương tựa vào đâu và làm sao mà điều phục tâm mình ?"

Đức Phật bảo: "Hay lắm, thầy Tu Bồ Đề! Thầy nói thật đúng, Như Lai thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ Tát. Nay, thầy hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ vì thầy mà trả lời. Những

người con trai hiền hay những người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì phải nương tựa và phải điều phục tâm của họ như thế này."

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, chúng con rất mong được nghe Người chỉ dạy."

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: "Các bậc Bồ Tát đại nhân nên hàng phục tâm mình như sau: Có cả thấy bao nhiêu loại chúng sanh, hoặc sinh từ trứng, hoặc sinh từ thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc từ sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc không phải có tri giác cũng không phải không có tri giác, ta đều phải đưa tất cả các loài ấy vào Niết Bàn tuyệt đối để tất cả đều được giải thoát. Giải thoát cho vô số, vô lượng, vô biên chúng sanh như thế, mà kỳ thực ta không thấy có chúng sanh nào được giải thoát. Vì sao? Nay Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn có khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là một vị Bồ Tát đích thực.

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề, vị Bồ Tát thực hiện phép bố thí nhưng không dựa vào bất cứ một thứ gì, nghĩa là không dựa vào sắc để bố thí, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp để bố thí. Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên bố thí theo tinh thần ấy, không dựa vào tướng. Tại sao ? Nếu Bồ Tát bố thí mà không dựa vào tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Không gian về phía Đông có thể nghĩ và lường được không ?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Này thầy Tu Bồ Đề, không gian về phía Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới có thể nghĩ và lường được hay không ?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát không nương vào đâu cả để thực hiện phép bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ được, không thể lường được. Nay Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát nên trú tâm theo những lời chỉ dẫn vừa đưa ra.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Có thể nhận diện Như Lai qua thân tướng hay không ?

Bạch đức Thế Tôn, không.

Cái mà Như Lai nói là thân tướng vốn không phải là thân tướng. Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nơi nào có tướng là nơi đó còn có sự lường gạt. Nếu thấy được tính cách không tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai."

Thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, trong tương lai, khi nghe những câu nói như thế người ta có thể phát sinh được lòng tin chân thật hay không ?"

Phật bảo: "Thầy đừng nói vậy. Năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, vẫn sẽ có những người biết giữ giới và tu phước, và những người ấy khi nghe được những lời như trên cũng sẽ có thể phát sinh lòng tin và nhận ra đó là sự thật. Ta nên biết rằng những người ấy đã gieo trồng những hạt giống tốt không phải ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà thật sự đã gieo trồng những hạt giống lành ở nơi vô lượng ngàn muôn vị Phật. Người nào chỉ trong một giây phút thôi, phát sinh được niềm tin thanh tịnh khi nghe những lời và những câu ấy, thì Như Lai tất nhiên BIẾT được người ấy, THẤY được người ấy và người ấy sẽ đạt được vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì những người như thế không còn kẹt vào những khái niệm về Ngã, về Nhân, về Chúng Sanh, về Thọ Giả, về Pháp, về Không Phải Pháp, về Tướng và về Không Phải Tướng. Vì sao? Nếu còn chấp vào ý niệm Pháp thì vẫn còn kẹt vào các tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả và nếu còn chấp vào ý niệm Không Phải Pháp, thì cũng vẫn còn kẹt vào tướng Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả như thường. Thế cho nên, đã không nên chấp vào Pháp mà cũng không nên chấp vào Không Phải Pháp. Vì vậy mà Như Lai đã mật ý nói: Nay các vị khát sĩ, nên biết rằng Pháp tôi nói được ví như chiếc bè, Pháp còn nên bỏ, huống là Không Phải Pháp."

Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có đắc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác không? Như Lai có pháp gì để tuyên thuyết hay không?

Thầy Tu Bồ Đề thưa: "Theo con hiểu điều Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có một pháp nào riêng biệt được Như Lai tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp mà Như Lai đã chứng và đã nói thì không thể nắm bắt được, cũng không thể diễn tả được. Đó không phải là pháp cũng không phải là không pháp. Vì sao? Vì tất cả các bậc hiền thánh đều do pháp vô vi mà trở nên khác người."

Thầy Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chứa đầy cả thế giới tam thiên đại thiên này để bố thí, thì người ấy có phước đức nhiều hay không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Bạch đức Thế Tôn, vì phước đức ấy trong tự thân chẳng phải là phước đức nên Như Lai mới nói là phước đức nhiều."

Nếu có người tiếp nhận và hành trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu trong kinh thôi rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức của người này còn lớn hơn phước đức của người kia. Tại sao?

Này Tu Bồ Đề, tất cả các đức Phật và quả đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của các đức Phật, đều xuất phát từ kinh này.

Này Tu Bồ Đề, cái gọi là pháp Phật, đó chính là cái không phải pháp Phật.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tu Đà Hoàn có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tu Đà Hoàn' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Tu Đà Hoàn có nghĩa là đi vào dòng mà thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Không đi vào dòng sắc, cũng không đi vào dòng thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy cho nên gọi là "đi vào dòng"

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị Tư Đà Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả Tư Đà Hàm' không?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao? Tư Đà Hàm có nghĩa là một đi một trở lại mà thật ra không có sự đi cũng không có sự trở lại. Vì vậy cho nên gọi là Tư Đà Hàm."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Một vị A Na Hàm có nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A Na Hàm' không ?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, không. Vì sao ? A Na Hàm có nghĩa là không trở lại. Mà thật ra làm gì có sự không trở lại ? Vì vậy cho nên gọi là A Na Hàm."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Một vị A La Hán có thể nghĩ rằng: 'Ta đã đắc quả A La Hán' không ?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao ? Thật ra không có pháp nào riêng biệt được gọi là A La Hán. Bạch Thế Tôn, nếu một vị A La Hán nào khởi niệm rằng 'ta đã đắc quả A La Hán' thì vị đó còn chấp vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả.

Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn thường nói con đã đạt tới Vô Trách Tam Muội và trong Tăng Thân, con là vị A La Hán ly dục đệ nhất. Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đã đắc quả A La Hán thì chắc Thế Tôn đã không nói rằng Tu Bồ Đề là người ưa hạnh A Lan Na."

Phật hỏi thầy Tu Bồ Đề: "Thuở xưa lúc còn theo học với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đắc pháp gì chăng ?"

Bạch đức Thế Tôn, không. Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có đắc pháp gì cả.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật chăng ?

Bạch Thế Tôn, không. Vì sao ? Trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật, vì vậy nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Như thế đó, thầy Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát và đại nhân nên phát tâm thanh tịnh theo tinh thần ấy. Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm. Chỉ nên phát tâm trong tinh thần vô trụ

Này thầy Tu Bồ Đề, ví dụ có người có thân lớn như núi chúa Tu Di, thầy nghĩ sao ? Thân ấy có lớn không ?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch đức Thế Tôn, lớn lắm. Vì sao ? Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn mới đích thật là thân lớn."

Thầy Tu Bồ Đề, ví dụ trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu dòng sông Hằng. Vậy thì cát của tất cả các sông Hằng ấy có nhiều không ?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Số lượng các sông Hằng đã là vĩ đại, huống là số lượng những hạt cát của các sông Hằng ấy."

Này Tu Bồ Đề, bây giờ tôi muốn hỏi thật thầy rằng, nếu có người con trai hay người con gái nhà lành nào đem châu báu chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên nhiều như cát của tất cả các sông Hằng kia mà bố thí thì phước đức có nhiều không ?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều."

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nếu người con trai hay người con gái nhà lành nào mà thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước."

Còn nữa, thầy Tu Bồ Đề, mảnh đất nào mà nơi đó có người thuyết kinh này, dù chỉ là thuyết một bài kệ bốn câu thôi, thì nên biết rằng mảnh đất ấy là nơi mà tất cả các giới Thiên, Nhân và A Tu La đều phải hướng về cúng dường như là cúng dường tháp miếu của Phật. Một mảnh đất mà còn như thế, huống gì là bản thân người đứng ra hành trì và đọc tụng. Tu Bồ Đề ơi, thầy nên biết rằng, một con người như thế đã thành tựu được chuyện hiếm có tới thượng. Nơi nào mà có kinh này là nơi đó có mặt của bậc đạo sư, hoặc một vị đệ tử lớn của người."

Lúc ấy thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, nên đặt tên Kinh này là Kinh gì và chúng con nên phụng trì Kinh này như thế nào?"

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Nên gọi Kinh này là Kinh Kim Cương Có Năng Lực Chặt Đứt Phiền Não Và Đưa Sang Bờ Giải Thoát (Năng Đoạn Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Kinh). Hãy dùng danh từ ấy mà phụng trì Kinh này. Vì sao ? Cái mà Như Lai gọi là Bát Nhã Ba La Mật vốn không phải là Bát Nhã Ba La Mật cho nên mới thật sự là Bát Nhã Ba La Mật."

Phật hỏi: "Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Như Lai có pháp để nói không?"
Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn, Như Lai chẳng có gì để nói cả."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Cát bụi do tam thiên đại thiên thế giới
nghiền ra có nhiều không ?

Nhiều lắm, bạch Thế Tôn.

Này Tu Bồ Đề, những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi
cho nên mới thực sự là cát bụi. Cái mà Như Lai gọi là thế giới tức
không phải là thế giới cho nên được gọi là thế giới.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Có thể nhận diện Như Lai qua ba mươi hai
tướng không ?

Bạch đức Thế Tôn, không. Vì sao ? Vì cái mà Như Lai gọi là ba mươi
hai tướng đều không phải là tướng, vì vậy cho nên Như Lai mới gọi là
ba mươi hai tướng.

Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành
nào đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng mà thực hiện việc bố
thí, và nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành khác
biết thọ trì và đem kinh này ra giảng cho kẻ khác, dù chỉ thọ trì và
giảng dạy bốn câu thôi, thì phước đức của người này cũng nhiều hơn
phước đức của người trước.

Nghe kinh này tới đây, thấm được nghĩa lý thâm sâu, thầy Tu Bồ Đề
cảm động khóc rơi nước mắt. Thầy thưa: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn
thật là hiếm có, từ ngày theo Thế Tôn đạt được tuệ nhãn cho đến giờ,
con chưa bao giờ được nghe kinh điển thâm diệu như hôm nay. Thế
Tôn, nếu có người nghe được kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và
đạt được cái thấy chân thật thì nên biết người ấy đã thực hiện được
công đức hiếm có vào bậc nhất. Thế Tôn, ngày nay con nghe được
kinh điển màu nhiệm như thế này, được tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì
kinh này cũng chưa phải là chuyện khó có lắm, nhưng trong tương lai,
khoảng năm trăm năm về sau mà có người được nghe kinh này lại có
thể tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chắc chắn sự có mặt của kẻ ấy là
một sự hiếm có vào bậc nhất. Vì sao vậy ? Vì những kẻ ấy sẽ không bị
khổng chế bởi khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Tại
vì sao ? Khái niệm về Ngã tức không phải là khái niệm, khái niệm về
Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả cũng không phải là những khái

niệm. Vì sao ? Vì thoát khỏi sự khống chế của các khái niệm cho nên có các vị Phật."

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Đúng thế, đúng thế. Nếu có người được nghe kinh này mà không hoảng, không sợ thì nên biết rằng những người như vậy rất là hiếm có. Tại sao? Nay thầy Tu Bồ Đề ơi, cái mà Như Lai gọi là đệ nhất Ba La Mật vốn không phải là đệ nhất Ba La Mật cho nên mới được gọi là đệ nhất Ba La Mật.

Tu Bồ Đề, cái gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật, Như Lai nói không phải là Nhẫn Nhục Ba La Mật nên mới được gọi là Nhẫn Nhục Ba La Mật. Tại sao ? Tu Bồ Đề này, trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Kalinga cắt đứt thân thể, ta đã không bị kẹt vào khái niệm về Ngã, không bị kẹt vào khái niệm về Nhân, về Chúng Sanh và về Thọ Giả. Vì nếu khi đó ta bị kẹt vào những khái niệm ấy thì ta đã sinh tâm oán hận Kalinga (Ca Lợi Vương) mất rồi.

Lại nhớ đến thuở xưa khi ta còn tu tiên theo hạnh nhẫn nhục, trong suốt năm trăm kiếp, ta đã tu tập để không bị kẹt vào các khái niệm Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả. Vậy nên thầy Tu Bồ Đề ơi, Bồ Tát khi phát tâm bồ đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả các khái niệm, không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm vô trụ.

Như Lai đã nói tất cả các khái niệm đều không phải là khái niệm và tất cả các loài chúng sanh đều không phải là chúng sanh. Tu Bồ Đề, Như Lai là kẻ nói lời chính xác, là kẻ nói lời đúng với sự thật, là kẻ nói lời phù hợp với thực tại, là kẻ nói lời không dối trá, là kẻ chỉ nói một lời. Tu Bồ Đề, nếu có pháp mà Như Lai đã đắc thì pháp ấy không phải thật cũng không phải hư.

Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn dựa vào pháp mà thực hiện bố thí thì cũng như đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì. Trái lại, nếu Bồ Tát không dựa vào pháp mà bố thí thì cũng như người có mắt đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được mọi hình và mọi sắc

Tu Bồ Đề, trong tương lai nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào mà có khả năng tiếp nhận, đọc tụng và hành trì kinh này thì người ấy sẽ được Như Lai nhìn thấy với con mắt trí tuệ của Người. Như Lai sẽ BIẾT người ấy, sẽ THẤY người ấy và người ấy sẽ thực hiện được công đức vô lượng vô biên.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào buổi sáng đem thân mạng mình ra nhiều như số cát sông Hằng mà bố thí, buổi trưa và buổi chiều cũng vậy, trong thời gian trăm ngàn vạn ức vô lượng kiếp, và nếu có một kẻ khác tuy không làm như thế, nhưng khi nghe đến kinh này thì đem lòng tin tưởng, không phản kháng lại thì phước đức còn nhiều hơn phước đức của người kia. Nghe mà đem lòng tin còn có phước đức lớn như vậy, huống hồ là biên chép, hành trì, đọc tụng và giải thích cho kẻ khác được nghe.

Tu Bồ Đề, nói tóm lại thì kinh này có công đức vô biên, không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết cũng không thể đo lường. Nếu có người nào có khả năng thọ trì, đọc tụng và phổ biến cho người khác biết thì kẻ ấy sẽ được Như Lai thấy tới, biết tới và người ấy sẽ thực hiện được công đức không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết, không có biên giới, không có đo lường, không thể so sánh.

Người như thế có thể gánh vác sự nghiệp vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Tại sao ? Tu Bồ Đề này, nếu chỉ ưa thích pháp nhỏ, nếu còn vướng mắc vào Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì không có khả năng nghe, nhận, đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác. Tu Bồ Đề, bất cứ nơi nào có kinh này thì tất cả các giới Thiên, Nhân, A Tu La đều phải đến cúng dường, những nơi ấy đều được gọi là bảo tháp cần được cung kính, hành lễ, đi quanh và cúng dường bằng hoa và bằng hương.

Này nữa thầy Tu Bồ Đề, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào đọc tụng và hành trì kinh này mà bị người khác chê bai hủy báng thì người ấy sẽ tiêu trừ được các tội chướng trong các kiếp trước kể cả những tội chướng có thể đưa người kia rơi xuống các nẻo ác và sau đó sẽ thực hiện được quả vị chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, ta nhớ vô lượng a tăng kỳ kiếp về trước, trước khi được gặp Phật Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức na do tha các vị Phật. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận. Nếu vào thời Mạt thế mà có người có khả năng đọc tụng và thọ trì kinh này thì phước đức đạt được còn lớn hơn hàng trăm ngàn vạn ức lần phước đức của ta ngày trước. Dùng thí dụ về toán số cũng không thể hình dung được phước đức ấy.

Tu Bồ Đề, vào thời Mạt thế, nếu một người con trai hoặc một người con gái nhà lành nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức đạt được

lớn cho đến nỗi nếu ta nói ra thì sẽ có người hồ nghi, không tin và tâm có thể trở nên cuồng loạn. Tu Bồ Đề, nên biết: nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết và hoa trái của sự thọ trì kinh này cũng không thể nghĩ cho cùng, không thể nói cho hết."

Lúc ấy, thầy Tu Bồ Đề thưa với Phật: "Thế Tôn, con xin phép được hỏi lại: người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác thì nên dựa vào đâu và nên hàng phục tâm mình như thế nào?"

Phật bảo: "Thầy Tu Bồ Đề, người con trai hiền hoặc người con gái hiền nào muốn phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì nên phát tâm như thế này: ta phải đưa hết tất cả chúng sanh qua bờ giác ngộ rồi thì ta chẳng thấy có chúng sanh nào được giác ngộ cả. Vì sao thế? Nay thầy Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát mà còn vướng mắc vào các khái niệm về Ngã, Nhân, Chúng Sanh và Thọ Giả thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát chân thật. Tại sao như thế?"

Tu Bồ Đề, thật ra chẳng có pháp gì riêng biệt gọi là tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác để mà phát ra cả. Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Ngày xưa khi còn ở với Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đặc pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác hay không?"

Bạch đức Thế Tôn, không. Theo cách con hiểu lời Phật dạy thì không có pháp gì sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật dạy: "Đúng như thế, đúng như thế! Nay Tu Bồ Đề, thật ra không có pháp gì gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai có đắc. Nếu có thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta như thế này: 'Sau này người sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.' Chính vì không có pháp có thể sở đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác cho nên Phật Nhiên Đăng mới nói với ta như thế. Vì sao? Như Lai có nghĩa là chân như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai đắc pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác thì người đó lầm: chẳng có pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác có thể đắc. Tu Bồ Đề, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Như Lai đắc ấy, thật ra không phải thật cũng không phải hư. Cho nên Như Lai đã từng nói: tất cả các pháp đều là pháp Phật. Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra không phải là tất cả các pháp cho nên mới gọi là tất cả các pháp. Tu Bồ Đề, cũng ví dụ như thân người cao lớn."

Tu Bồ Đề thưa: "Cái mà Như Lai gọi là thân người cao lớn, chẳng phải là thân người cao lớn."

Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng thế, nếu một vị Bồ Tát nghĩ rằng ta phải độ tất cả chúng sanh thì vị ấy chưa phải là vị Bồ Tát. Vì sao ? Tu Bồ Đề này, không có pháp gì riêng biệt được gọi là Bồ Tát cả. Cho nên Phật đã nói tất cả các pháp đều không có Ngã, không có Nhân, không có Chúng Sanh, không có Thọ Giả.

Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nghĩ 'ta phải trang nghiêm đất Phật ' thì người đó chưa phải là Bồ Tát. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là trang nghiêm đất Phật vốn không phải là trang nghiêm cho nên mới gọi là trang nghiêm.

Tu Bồ Đề, nếu một vị Bồ Tát nào thông đạt được lý vô ngã vô pháp thì Như Lai gọi người đó là một vị Bồ Tát đích thực.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt thịt không ?

Thầy Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt thịt."

Phật hỏi: "Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt trời hay không?"

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt trời."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt tuệ không ?

Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt tuệ."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, Như Lai có mắt pháp không ?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn có, Như Lai có mắt pháp."

Phật hỏi: "Như Lai có mắt Phật không ?"

Bạch Thế Tôn, có. Như Lai có mắt Phật.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Cát trong sông Hằng, Phật có thấy là cát không ?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, Như Lai cũng gọi cát là cát vậy."

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao, nếu mỗi hạt cát trong sông Hằng là một sông Hằng, thì số lượng thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng ấy có nhiều không ?

Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo thầy Tu Bồ Đề: "Trong tất cả các thế giới ấy có đủ tất cả các loài chúng sinh mà tâm ý các chúng sinh ấy cũng có đủ loại. Vậy mà

loại tâm ý nào trong số ấy Như Lai cũng đều biết hết. Tại sao ? Tu Bồ Đề, tại vì cái mà Như Lai gọi là các loại tâm ý đều không phải là các loại tâm ý, cho nên mới gọi là các loại tâm ý. Vì sao vậy ? Tu Bồ Đề, tâm quá khứ không nắm bắt được, tâm hiện tại không nắm bắt được, mà tâm vị lai cũng không nắm bắt được

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao ? Nếu có người đem châu báu nhiều cho đến nỗi phải chất đầy cả thế giới tam thiên đại thiên mà bố thí thì người đó có được nhiều phước đức hay không ?"

Bạch Thế Tôn, được phước đức rất nhiều.

Này thầy Tu Bồ Đề, nếu phước đó là phước đức thật thì Như Lai đã không nói là người ấy đạt được nhiều phước đức. Chính vì phước đức ấy vốn không có thực thể cho nên Như Lai mới nói người ấy đạt được phước đức nhiều.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua sắc thân đầy đủ không?

Bạch không, cái mà Như Lai gọi là sắc thân đầy đủ thì không phải là sắc thân đầy đủ cho nên mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ không?

Thưa Thế Tôn, không. Không thể nhận diện Như Lai qua tướng mạo đầy đủ. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là tướng mạo đầy đủ thì không phải là tướng mạo đầy đủ cho nên mới gọi là tướng mạo đầy đủ.

Tu Bồ Đề, thầy đừng bảo rằng Như Lai có ý niệm: ta sẽ thuyết pháp. Đừng nghĩ như thế. Vì sao? Nếu có người nghĩ rằng Như Lai có pháp để nói tức là người đó phi báng Phật vì lẽ người đó không hiểu điều ta nói. Tu Bồ Đề, thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được nói, như vậy gọi là thuyết pháp

Lúc đó huệ mạng Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: "Thế Tôn, đời sau khi được nghe pháp này chúng sanh có thể phát sanh lòng tin hay không?"

Phật dạy: "Tu Bồ Đề, những chúng sanh đó không phải là chúng sanh mà cũng không phải là không chúng sanh. Vì sao thế ? Tu Bồ Đề, cái

mà Như Lai gọi là không phải chúng sanh mới thực sự được gọi là chúng sanh."

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn, pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà Phật đấng có phải là cái vô sở đắc ?"

Phật nói: "Đúng thế, Tu Bồ Đề, đối với vô thượng chánh đẳng chánh giác ta chẳng có một chút xíu nào pháp sở đắc, cho nên mới gọi nó là vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Này nữa, thầy Tu Bồ Đề ! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu tập tất cả các thiện pháp theo tinh thần vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả thì đạt được quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu Bồ Đề, cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, cho nên đó mới thật là thiện pháp.

Tu Bồ Đề, giả dụ có người tom góp bảy thứ châu báu chứa đầy từng đồng cao như tất cả các núi Tu Di trong thế giới tam thiên đại thiên này để mà bố thí thì công đức của những người ấy đem so với công đức của những người đọc, tụng và thọ trì Kinh Kim Cương Năng Đoạn này rồi đem ra giảng nói cho người khác nghe thì trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần không được một. Phước đức của người hành trì kinh, dù chỉ là hành trì một bài kệ bốn câu, cũng không thể nào dùng ví dụ hay toán học để mà diễn tả nổi.

Tu Bồ Đề, các vị đừng có bảo rằng Như Lai có ý niệm 'ta sẽ độ chúng sanh'. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế. Tại sao vậy ? Sự thật thì không có chúng sanh nào để cho Như Lai độ. Nếu Như Lai nghĩ là có thì Như Lai đã vướng vào khái niệm Ngã, khái niệm Nhân, khái niệm Chúng Sanh và khái niệm Thọ Giả rồi. Tu Bồ Đề, cái mà Như Lai nói là có ngã vốn không phải là có ngã mà người phàm phu lại cho là có ngã. Này Tu Bồ Đề, kẻ phàm phu đó, Như Lai không cho đó là phàm phu cho nên mới gọi họ là phàm phu.

Tu Bồ Đề, thầy nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?"

Tu Bồ Đề nói: "Thưa vâng, thưa vâng, phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Phật nói: "Nếu nói lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao?"

Tu Bồ Đề nói: "Thế Tôn, con hiểu lời Phật dạy rồi, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai."

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói lên bài kệ này:

Tìm ta qua hình sắc
Cầu ta qua âm thanh
Là kẻ hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.

Tu Bồ Đề, thầy đừng nghĩ rằng Như Lai đạt tới vô thượng chánh đẳng chánh giác mà không cần tới các tướng một cách đầy đủ. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế.

Tu Bồ Đề! Thầy đừng nghĩ là khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác ta phải coi các pháp là hư vô, đoạn diệt. Đừng nghĩ như thế. Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác không chủ trương rằng các pháp là hư vô hay đoạn diệt.

Tu Bồ Đề, nếu có một vị Bồ Tát đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nổi chất đầy cả các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí thì công đức ấy cũng không lớn bằng công đức của một người đã hiểu được rằng tất cả các pháp đều là vô ngã và chấp nhận được sự thật đó một cách hoan hỷ. Vì sao? Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát không cần phải tom góp phước đức.

Tu Bồ Đề bạch Phật: "Thế Tôn, Bồ Tát không cần tom góp phước đức nghĩa là sao?"

Tu Bồ Đề, Bồ Tát tạo phước đức mà không vướng mắc vào ý niệm tạo phước đức cho nên ta mới nói là Bồ Tát không cần tom góp phước đức.

Tu Bồ Đề, nếu có kẻ nói: 'Thế Tôn có tới, có đi, có ngồi, có nằm' kẻ ấy không hiểu được điều ta nói. Tại sao? Như Lai có nghĩa là không từ đâu tới cả và cũng không đi về đâu cả, cho nên gọi là Như Lai.

Tu Bồ Đề, nếu có một người con trai hay một người con gái nhà lành nào đem thế giới tam thiên đại thiên nghiền thành bụi nhỏ thì thầy nghĩ sao? Bụi nhỏ như thế có nhiều không?

Tu Bồ Đề nói: "Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Vì sao? Nếu bụi nhỏ mà có thật thì Phật đã không gọi chúng là bụi nhỏ. Vì sao? Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ cho nên mới là bụi nhỏ."

Thế Tôn! Cái mà Như Lai gọi là thế giới tam thiên đại thiên, nó không phải là thế giới cho nên mới gọi nó là thế giới. Vì sao? Nếu thế giới mà có thật thì đó là một hợp tướng. Cái mà Như Lai gọi là một hợp tướng vốn không phải là một hợp tướng cho nên gọi là một hợp tướng."

Tu Bồ Đề! Cái gọi là một hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất. Chỉ có kẻ phàm phu mới bị vương mắc vào đó mà thôi.

Tu Bồ Đề, nếu có kẻ bảo Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, kẻ ấy có hiểu được ý ta không?

Thưa không, Thế Tôn. Kẻ ấy không hiểu được ý Như Lai. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến.

Tu Bồ Đề ! Kẻ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác phải biết như thế về tất cả các pháp, phải thấy như thế về tất cả các pháp, phải tin hiểu như thế về tất cả các pháp mà không nên có khái niệm về pháp. Tu Bồ Đề ! Cái gọi là khái niệm về pháp Như Lai nói không phải là khái niệm về pháp, cho nên mới gọi là khái niệm về pháp.

Tu Bồ Đề, nếu có người đem bảy thứ châu báu số lượng lớn đến nỗi chứa đầy các thế giới nhiều tới vô lượng a tăng kỳ để bố thí thì phước đức cũng không bằng phước đức của một người con trai hay một người con gái nhà lành khi người này phát tâm bồ đề, đọc tụng thọ trì kinh này và đem giải thuyết cho người khác nghe, dù chỉ là một bài kệ bốn câu trong ấy. Giải thuyết theo tinh thần nào? Giải thuyết mà không kẹt vào tướng, như như và không động chuyển. Vì sao thế?

Tất cả pháp hữu vi
Nhu mộng huyễn bào ảnh
Nhu sương như chớp loè
Hãy quán chiếu như thế.

Sau khi nghe Phật nói Kinh này, thượng tọa Tu Bồ Đề và các vị khát sĩ, nữ khát sĩ, Ưu bà tắc, Ưu bà di và tất cả các giới Trời, Người và A tu la đều rất hoan hỷ, tin tưởng và tiếp nhận để thực hành.

Hết